

TẠNG LUẬT

TIỂU PHẨM

TẬP MỘT

TẠNG LUẬT

TIỂU PHẨM

TẬP MỘT

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán,
đáng Chánh Biến Tri!

I. CHƯƠNG HÀNH SỰ

1. HÀNH SỰ KHIỂN TRÁCH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Chính vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và

Lohitaka,¹ bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khuru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: - “Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài.” Vì thế mà những sự xung đột chưa sanh liền sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển.

Các tỳ khuru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khuru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm

¹ Hai vị này là hai trong sáu vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là hai vị Paṇḍuka và Lohitaka ở Sāvatti, Mettiya và Bhummajaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kīṭṭi (VinA. iii, 614).

hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài;’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khuru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài;’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Samôn, không được phép, không nên làm. Này các tỳ

khuru, vì sao những kẻ rô đại ấy bản thân vốn là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng lại còn đi đến gặp các tỳ khuru khác cũng là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chó có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài;’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các tỳ khuru, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.”

3. Sau đó, khi đã khiển trách các vị tỳ khuru ấy bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cấp dưỡng, sự dễ dàng trong việc ăn uống, sự ít tầm cầu, sự biết đủ, sự từ khước, sự tiết chế, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tấn. Ngài đã nói Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Và nay các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, các tỳ khuru Paṇḍuka và Lohitaka cần được quả trách; sau khi quả trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

4. *“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khuru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài,’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh

tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài;’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài;’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm

Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các tỳ khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, —nt— và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vậy: ‘Này các đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài,’ vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự khiển trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện,¹ được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được,² được thực hiện với tội đã được sám hối. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

3. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai

¹ Được thực hiện thiếu sự hiện diện (*asammukhā kataṃ*) được giải thích là “được thực hiện không có sự hiện diện của hội chúng, của Pháp, của Luật, và của vị bị khiển trách” (*VinA. vi, 1155*). Ở chương IV, có đề cập chi tiết về việc này bắt đầu từ trang 396.

² Là tội *pārājika* hoặc tội *saṅghādisesa* (*VinA. vi, 1155*).

Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

4. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

5. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

6. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

7. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một

cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

9. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

10. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành

sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

11. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

12. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

Dứt mười hai hành sự sai pháp.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện

diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

4. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển

trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

5. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

6. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

7. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội

vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

9. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

10. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

11. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Đây các tỳ khuru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

12. Đây các tỳ khuru, hành sự khiến trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Đây các tỳ khuru, hành sự khiến trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến vị tỳ khuru có

ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan.¹ Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng

¹ Theo Chú Giải: tăng thượng giới (*adhisīla*) gồm có bốn tội *pārājika* và mười ba tội *saṅghādisesa*, tăng thượng hạnh (*ajjhācāra*) là các tội khác thuộc về năm nhóm tội của giới bốn *Pātimokkha*, tà kiến cực đoan (*atidiṭṭhi*) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (*VinA. v*, 989). Xem phần giải thích về hữu biên kiến (*antaggāhikā diṭṭhi*) ở *Paṭiṣambhidāmagga* - *Phân Tích Đạo* tập 1 (TTPV 37, trang 286-295).

trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến ba hạng tỳ khuru này.

5. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến ba hạng tỳ khuru này.

6. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự khiến trách đến ba hạng tỳ khuru này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru bị thực hiện hành sự khiến trách nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận

sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt mười tám phạm sự.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách đến các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các vị ấy làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy: - “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ chúng tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội

chúng hãy thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiến trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự khiến trách không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Này các tỳ khuru, các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ chúng tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

2. *“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách cho các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các tỳ khuru nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc

thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiến trách, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiến trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiến trách, các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiến trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiến trách cho các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự khiến trách đến các tỳ khưu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự khiến trách là thứ nhất.

--ooOoo--

2. HÀNH SỰ CHỈ DẠY

1. Vào lúc bấy giờ, đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội.

2. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Seyyasaka lại là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng:

- “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những

giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội, có đúng không vậy?" - "Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - "Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Samôn, không được phép, không nên làm. Này các tỳ khuru, vì sao kẻ rồ dại ấy, lại là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội?

5. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka rằng: 'Người cần phải sống với sự nương nhờ.' Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, tỳ khuru Seyyasaka cần được quả trách; sau khi quả trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau

khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

6. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ.’ Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội), sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ.’ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với đại đức Seyyasaka rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu

kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các tỳ khuru thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt *parivāsa*, trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu, trong khi ban cho hình phạt *mānatta*, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru *Seyyasaka* rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ.’ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với đại đức *Seyyasaka* rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đối với đại đức *Seyyasaka* rằng: ‘Người cần phải sống với sự nương nhờ’ đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Đây các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám

hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

10. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

11. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

12. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

Dứt mười hai hành sự sai pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa

nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...

3. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...

4. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

5. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

6. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

7. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

8. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

9. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

10. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

11. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

12. Này các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo Pháp, là vị chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru,

hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

4. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

5. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

6. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng. Đây các tỳ khuru, hội

chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng tỳ khuru này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Đây các tỳ khuru, vị tỳ khuru bị thực hiện hành sự chỉ dạy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni đầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka rằng: “Người cần phải sống với sự nương nhờ.” Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vị ấy trong khi thân cận, trong khi quan hệ, trong khi gần gũi bạn tốt, trong khi nhờ họ đọc tụng, trong khi đặt câu hỏi, đã trở thành vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ các đầu đề, là vị sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy: - “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka.

2. Này các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Này các tỳ khuru, hành

sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Upasatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ

khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và nay các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy:
Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Seyyasaka ấy nên đi đến hội

chúng, đắp thương y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đứng dẫn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm phận sự đứng dẫn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm phận sự đứng dẫn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực

hiện hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đôi với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đôi với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tỳ khuru Seyyasaka này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đôi với tỳ khuru Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đôi với tỳ khuru Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự chỉ dạy đôi với tỳ khuru Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự chỉ dạy là thứ nhì.

--ooOoo--

3. HÀNH SỰ XUA ĐUỔI

[Hành vi sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka]

1. Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những tỳ khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

2. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình.

3. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tó gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xúc nước hoa và phấn thơm.

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang ca hát, ca hát cùng với người nữ đang ca hát, tấu đàn cùng với người nữ đang ca hát, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang tấu đàn, ca hát cùng với người nữ đang tấu đàn, tấu đàn cùng với người nữ đang tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cò tám ô vuông, cò mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò

uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cưỡi voi, họ tập cưỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: “Này cô em, hãy nhảy ở đây này,” họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách.

4. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvattthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Khi ấy vào buổi sáng, vị tỳ khưu ấy đã mặc y, cầm y bát, và đi vào vùng Kīṭāgiri để khất thực. Vị ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, vói vẻ chăm chú khi đi tới bước lui, lúc nhìn ngẫm, khi cử động co duỗi.

5. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị tỳ khưu ấy đã nói như vậy: - “Người này là ai mà xem ra vô cùng yếu ớt, xem ra vô cùng lười biếng, xem ra vô cùng ngớ ngẩn vậy? Khi già đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đến thăm viếng, không có ngớ ngẩn, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu

chuyện; chính vì thế, đồ ăn khát thực nên được cúng dường đến các ngài.”

6. Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị tỳ khuru ấy đang đi khát thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị tỳ khuru ấy, sau khi đến đã đánh lễ vị tỳ khuru ấy và nói điều này: - “Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?” - “Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.” - “Thưa ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nhà.”

7. Rồi nam cư sĩ ấy đã dẫn vị tỳ khuru ấy về nhà, dâng thức ăn, và đã nói điều này: - “Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?” - “Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.” - “Thưa ngài, chính vì điều ấy xin ngài đừng đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con, và xin ngài hãy thưa như vậy: ‘Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những tỳ khuru tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái có hình thức như vậy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực.

Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tó gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thư, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tó gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giò, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm.

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; [*Nên thực hiện sự luân phiên*] —nt— Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa.

Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi lồi

sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cò, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sắp ngựa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo.

Họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cưỡi voi, họ tập cưỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: ‘Này cô em, hãy nhảy ở đây này,’ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách.

Bạch ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khưu tốt ra đi, còn các tỳ khưu tồi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỳ khưu đến vùng Kīṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại.”

8. - “Này đạo hữu, được rồi.” Vị tỳ khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện

của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn là niềm nở đối với các tỳ khưu đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị tỳ khưu ấy điều này: - “Này tỳ khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này tỳ khưu, ngươi từ đâu đến vậy?” - “Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch ngài, con đi đường xa không mệt lắm.

10. Bạch ngài, con đây đã trải qua mùa (an cư) mưa ở xứ Kāsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kīṭāgiri. Bạch ngài, khi ấy vào buổi sáng con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kīṭāgiri để khát thực. Bạch ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy con đang đi khát thực ở vùng Kīṭāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần con, sau khi đến đã đánh lễ con và nói điều này: ‘Thưa ngài, đồ khát thực có nhận được chưa vậy?’ ‘Này đạo hữu, đồ khát thực chưa có nhận được.’ ‘Thưa ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nhà.’ Bạch ngài, sau đó nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà, dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: ‘Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu?’ ‘Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.’ ‘Thưa ngài, chính vì điều ấy xin ngài dê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vậy:

‘Bạch ngài, sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri đã bị hủy hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những tỳ khuru tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái có hình thức như vậy: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, —nt— Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khuru tốt ra đi, còn các tỳ khuru tồi cư ngụ. Bạch ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các tỳ khuru đến vùng Kīṭāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kīṭāgiri có thể tồn tại.’ Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến.”

11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kīṭāgiri là những tỳ khuru tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái có hình thức như vậy: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, —nt— Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các tỳ khuru tốt ra đi, còn các tỳ khuru tồi cư ngụ, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

12. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, —nt— Này các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại cư xử hành vi sai trái có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, —nt— Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách?

13. Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo Sāriputta và Moggallāna rằng: - “Này Sāriputta và Moggallāna, hai người hãy đi đến vùng Kīṭāgiri rồi hãy thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka; các vị này là những đệ tử của hai người.”

14. - “Bạch ngài, các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm thế nào chúng con thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các tỳ khuru ấy được?” - “Này Sāriputta và Moggallāna, chính vì điều ấy hai người hãy đi cùng với nhiều vị tỳ khuru.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Sāriputta và Moggallāna đã trả lời đức Thế Tôn.

15. - Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội,

hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri.’ Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri.’ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri.’ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri’ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭ āgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: ‘Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭ āgiri’ đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

[Dứt việc thực hiện hành sự xua đuổi]

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP THUỘC HÀNH SỰ XUA ĐUỐI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. —nt—

3. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. —nt—

4. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

5. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu

sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

6. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

7. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

8. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

9. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi

chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

**Dứt mười hai hành sự sai pháp thuộc hành sự xua
đuổi.**

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối.
—nt—

3. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. —nt—

4. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

5. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

6. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

7. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

8. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

9. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp,

được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

**Dứt mười hai hành sự đúng pháp thuộc hành sự xua
đuổi.**

MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. —nt—

3. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự đùa giỡn bằng thân, vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Vị có sở hành sai trái bằng thân, vị có sở hành sai trái bằng khẩu, vị có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự gây tổn hại bằng thân, vị có sự gây tổn hại bằng khẩu, vị có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

8. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Đây các tỳ khuru, hội chúng

trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

9. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng có sự đùa giỡn bằng thân, hạng có sự đùa giỡn bằng khẩu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng có sở hành sai trái bằng thân, hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. —nt—

13. Nay các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng có sự gây tổn hại bằng thân, hạng có sự gây tổn hại bằng khẩu, hạng có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu. —nt—

14. Này các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng tỳ khuru này.

Dứt mười bốn trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

1-18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự xua đuổi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, —nt— không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Sau đó, hội chúng tỳ khuru dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna đã đi đến vùng Kīṭāgiri và đã thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kīṭāgiri đối với các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: “Các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kīṭāgiri.” Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các vị ấy không làm phận sự đúng đắn, không trở nên thu thúc, không làm bốn phận để sửa đổi, không làm cho các tỳ khuru hài lòng, họ mắng nhiếc, họ gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- “Vì sao các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi lại không làm phạm sự đúng đắn, không trở nên thu thúc, không làm bốn phạm để sửa đổi, không làm cho các tỳ khuru hài lòng, họ lại mắng nhiếc, họ lại gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vị vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục?”

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các tỳ khuru nhóm Assaji và Punabbasuka không làm phạm sự đúng đắn—nt— họ hoàn tục, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự xua đuổi.

3. Này các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Này các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

5. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được

chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và nay các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru đã được thực hiện hành sự

xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các vị tỳ khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi

đôi với vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị tỳ khưu này tên (như vậy) làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đôi với vị tỳ khưu tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đôi với vị tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự xua đuổi đôi với vị tỳ khưu tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hành sự xua đuổi là thứ ba.

--ooOoo--

4. HÀNH SỰ HÒA GIẢI

1. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sudhamma là vị thường trú, là vị trông nom công trình mới, là vị thường xuyên thọ lãnh vật thực của gia chủ Citta ở làng Macchikāsaṇḍa. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của đại đức Sudhamma.

2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị tỳ khuru trưởng lão như đại đức Sāriputta, đại đức Mahāmoggallāna, đại đức Mahākaccāna, đại đức Mahākoṭṭhika, đại đức Mahākappina, đại đức Mahācunda, đại đức Anuruddha, đại đức Revata, đại đức Upāli, đại đức Ānanda, và đại đức Rāhula đang đi du hành trong xứ Kāsi và đã đến ngụ tại Macchikāsaṇḍa.

3. Gia chủ Citta đã nghe rằng: “Nghe nói các vị tỳ khuru trưởng lão đã đi đến Macchikāsaṇḍa.” Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp các vị tỳ khuru trưởng lão, sau khi đến đã đánh lễ các vị tỳ khuru trưởng lão rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Citta bằng bài Pháp thoại. Sau đó, khi đã được đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, gia chủ Citta đã nói với các vị tỳ khuru trưởng lão điều này: - “Bạch các ngài, xin các trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị

vãng lai vào ngày mai.” Các vị tỳ khuru trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

4. Sau đó, khi hiểu được sự nhận lời của các vị tỳ khuru trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ các vị tỳ khuru trưởng lão, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã đi đến gặp đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sudhamma rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma điều này: - “Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị trưởng lão.”

5. Khi ấy, đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): “Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì ông ta không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các vị tỳ khuru trưởng lão; giờ đây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gần bó với ta nữa,” nên đã nói với gia chủ Citta điều này: - “Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.” Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với đại đức Sudhamma điều này: - “Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị trưởng lão.” - “Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời.” Khi ấy, gia chủ Citta (nghĩ rằng): “Ngài Sudhamma sẽ gây ra điều gì cho ta cho dù nhận lời hay không nhận lời?” nên đã đánh lễ đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

6. Sau đó, khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm cho các vị tỳ khưu trưởng lão. Khi ấy, đại đức Sudhamma (nghĩ rằng): “Có lẽ ta nên xem qua vật đã được chuẩn bị cho các vị tỳ khưu trưởng lão của gia chủ Citta như thế nào?” nên vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của gia chủ Citta, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn.

7. Khi ấy, gia chủ Citta đã đi đến gặp đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: - “Này gia chủ, thức ăn loại cứng loại mềm này đã được người chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây không có, đó là ‘Bánh mè.’” - “Thưa ngài, trong khi rất nhiều điều cao quý được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài đại đức Sudhamma nói đến, đó là ‘Bánh mè.’

8. Thưa ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương nam đã đi đến xứ sở phía đông vì việc buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem về một con gà mái. Thưa ngài, sau đó con gà mái ấy đã được cho ở chung với con quạ. Nó đã sanh ra con gà con. Thưa ngài, khi con gà con ấy muốn kêu tiếng kêu của con quạ thì nó kêu: ‘quạ quạ ò-ó-ooo;’ khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà trống thì nó kêu: ‘ò-ó-ooo quạ quạ.’ Thưa ngài, tương tự y như thế, trong khi rất nhiều điều quý báu được tìm

thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài đại đức Sudhamma nói đến, đó là ‘Bánh mì.’”

9. - “Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của người, ta sẽ bỏ đi.” - “Thưa ngài, con không có mắng nhiếc, con không có gièm pha ngài đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở Macchikāsaṇḍa. Khu rừng xoài thật là khả ái! Con sẽ ra sức đối với ngài đại đức Sudhamma về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú, và thuốc men khi bị bệnh.” Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: - “Này gia chủ, người mắng nhiếc ta. Này gia chủ, người gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của người, ta sẽ bỏ đi.” - “Thưa ngài, ngài đại đức Sudhamma sẽ đi đâu?” - “Này gia chủ, ta sẽ đi đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn.” - “Thưa ngài, chính vì điều ấy nên điều gì ngài đã nói và điều gì con đã nói, tất cả các điều ấy xin ngài hãy trình lên đức Thế Tôn. Thưa ngài, việc ngài đại đức Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsaṇḍa một lần nữa là điều không kỳ lạ.”

10. Sau đó, đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ trú ngụ rồi cầm y bát đi đến Sāvatti. Theo tuần tự, đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Sudhamma đã trình lên đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã nói.

11. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này kẻ rồ dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao người lại sĩ và một cách thậm tệ, lại khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

12. - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.’ Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy:

Trước hết, tỳ khuru Sudhamma cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Sudhamma này sĩ và một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: ‘Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.’ Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Sudhamma này sĩ và một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách

thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma rằng: 'Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma rằng: 'Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Sudhamma này sĩ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma rằng: 'Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.' Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma rằng: 'Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma rằng: 'Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. —nt—

3. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. —nt—

4. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

5. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu

sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

6. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

7. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

8. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

9. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

10. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

11. Này các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi

chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

12. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

Dứt mười hai hành sự sai pháp thuộc hành sự hòa giải.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

6. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

7. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

8. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

9. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp,

được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp hành sự đúng pháp thuộc hành sự hòa giải.

BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ trú ngụ, vị mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, vị chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật trước (mặt) các người tại gia, vị chê bai Giáo Pháp trước (mặt) các người tại gia, vị chê bai Hội Chúng trước (mặt) các người tại gia, vị sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, vị không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru: Hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ trú ngụ,

hạng mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, hạng chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru này.

4. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với 5 hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật trước (mặt) các người tại gia, hạng chê bai Giáo Pháp trước (mặt) các người tại gia, hạng chê bai Hội Chúng trước (mặt) các người tại gia, hạng sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, hạng không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng tỳ khuru này.

Dứt bốn trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ THUỘC HÀNH SỰ HÒA GIẢI

1-18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự hòa giải nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên

giảng dạy tỳ khuru ni dẫu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ hành lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt mười tám phạm sự thuộc hành sự hòa giải.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma rằng: “Người nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.” Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvatthi lần nữa. Các tỳ khuru đã nói như vậy: - “Này đại đức Sudhamma, đại đức đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi chưa?” - “Này các đại đức, trong trường hợp này tôi đã đi đến Macchikāsaṇḍa nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với tỳ khuru Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Trước tiên, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau

khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị tỳ khuru tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khuru Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho vị tỳ khuru tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khuru Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào đồng ý việc cho vị tỳ khuru tên (như vậy) làm sứ giả cùng đi với tỳ khuru Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) là sứ giả cùng đi với tỳ khuru Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

3. Nay các tỳ khuru, tỳ khuru Sudhamma ấy và vị tỳ khuru sứ giả cùng đi nên đi đến Macchikāsaṇḍa và nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi rằng: - “Này gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khuru sứ giả cùng đi nên nói rằng: - “Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khuru này. Vị ấy đang làm cho người hoan hỷ.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khuru sứ giả cùng đi nên nói rằng: -

“Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khuru này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khuru sứ giả cùng đi nên nói rằng: - “Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị tỳ khuru này vì lời nói của hội chúng.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp.

Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị tỳ khuru sứ giả cùng đi không nên dẫn tỳ khuru Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đắp thượng y một bên vai, bảo ngồi chồm hổm, bảo chấp tay lên, và bảo sám hối tội ấy.”

4. Sau đó, đại đức Sudhamma và vị tỳ khuru sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsāṇḍa và đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy: - “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, tôi làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

**Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc
hành sự hòa giải.**

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

**Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc
hành sự hòa giải.**

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tỳ khuru Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với tỳ khuru Sudhamma. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tỳ khuru Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu

hồi hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tỳ khưu Sudhamma này làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giở thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự hòa giải đôi với tỳ khưu Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hành sự hòa giải là thứ tư.

--ooOoo--

5. HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambi tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại

không muốn nhìn nhận tội?" Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - "Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội, có đúng không vậy?" - "Bạch Thế Tôn, đúng vậy."

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - "Này các tỳ khuru, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

4. - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, tỳ khuru Channa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

5. *"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.*

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

6. Và này các tỳ khuru, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: “Tỳ khuru Channa đã được (hội chúng) thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.”

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

10. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

11. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

12. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

Dứt mười hai hành sự sai pháp.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. —nt—

3. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. —nt—

4. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

10. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

11. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

12. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện

đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai hành sự đúng pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo

về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

3. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

4. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru này.

5. Đây các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Đây các tỳ khuru, hội

chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru này.

6. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng tỳ khuru này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ THUỘC HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TỘI

1-43. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dẫu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng

dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị tỳ khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ tỳ khưu với các tỳ khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các tỳ khưu, nên học tập về việc học tập của tỳ khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị tỳ khưu trong sạch, nên đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khưu trong sạch, không nên xúc phạm vị tỳ khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ *Upasatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khưu.”

Dứt bốn mươi ba phạm sự thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC LÀM PHẬN SỰ ĐÚNG ĐẮN CỦA TỖ KHƯU CHANNA]

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khưu Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vì ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các tỳ khưu đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường.

Trong khi không được các tỳ khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường.

Trong khi không được các tỳ khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường.

Trong khi không được các tỳ khuru trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã quay trở về lại Kosambi.

2. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khuru và nói như vậy: - “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?”

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khuru trong sạch. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khuru trong sạch. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

5. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị tỳ khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh

kiếm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ tỳ khuru với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

6. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các tỳ khuru, không học tập về việc học tập của tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

7. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khuru trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khuru trong sạch, xúc phạm vị tỳ khuru trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru

trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được chỉ định. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị

thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khuru trong sạch. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khuru trong sạch. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

5. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không bôi nhọ vị tỳ khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ tỳ khuru với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

6. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các tỳ khuru, học tập về việc học tập của tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

7. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khuru trong sạch, vị đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khuru trong sạch, không xúc phạm vị tỳ khuru trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành

sự án treo về việc không nhìn nhận tội nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

2. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn

nhận tội, tỳ khuru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tỳ khuru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tỳ khuru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với tỳ khuru Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là thứ năm.

--ooOoo--

6. HÀNH SỰ ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LỖI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambi tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi?”

2. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

4. - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, tỳ khuru Channa cần được quả trách; sau khi quả trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần

xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Và này các tỳ khuru, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: “Tỳ khuru Channa đã được (hội chúng) thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.”

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Đây các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

10. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

11. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

**Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai pháp thuộc
hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.**

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng.

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

4. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru này.

5. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru này.

6. Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng.

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng tỳ khuru này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ

1-43. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khuru trong sạch, không nên bôi nhọ vị tỳ khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng

về nuôi mạng, không nên chia rẽ tỳ khuru với các tỳ khuru, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các tỳ khuru, nên học tập về việc học tập của tỳ khuru, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị tỳ khuru trong sạch, nên từ chỗ ngồi đứng dậy khi thấy vị tỳ khuru trong sạch, không nên xúc phạm vị tỳ khuru trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Upasatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Vị ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

2. Tại đó, các tỳ khưu đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Trong khi không được các tỳ khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

3. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Trong khi không được các tỳ khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các tỳ khưu cũng đã không đánh lễ, đã không đứng dậy, đã không chấp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái, đã không cúng dường. Trong khi không được các tỳ khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi quay trở về lại Kosambi.

4. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các tỳ khưu và nói như vậy: - “Bạch chư đại đức, được hội chúng thực hiện

hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

1. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khuru trong sạch. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khuru trong sạch. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị bồi nhọ vị tỳ khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, bồi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bồi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bồi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ tỳ khuru với các tỳ khuru. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các tỳ khuru, không học tập về việc học tập của tỳ khuru. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khuru trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khuru trong sạch, xúc phạm vị tỳ khuru trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Đây

các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. —nt—

3. Nay các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị tỳ khuru trong sạch. —nt—

4. Nay các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị tỳ khuru trong sạch. —nt—

5. Nay các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị không bôi nhọ vị tỳ khuru trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ tỳ khuru với các tỳ khuru. —nt—

6. Nay các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại

đạo, phục vụ các tỳ khuru, học tập về việc học tập của tỳ khuru. —nt—

7. Nay các tỳ khuru, —nt— có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị tỳ khuru trong sạch, đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị tỳ khuru trong sạch, không xúc phạm vị tỳ khuru trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

8. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và này các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: “Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phạm sự đứng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tỳ khuru Channa này làm phạm sự đứng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tỳ khuru Channa này làm phạm sự đứng đắn, trở nên thu

thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tỳ khuru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với tỳ khuru Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là thứ sáu.

--ooOoo--

7. HÀNH SỰ ÁN TREO

VỀ VIỆC KHÔNG TỪ BỎ TÀ KIẾN ÁC

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, tỳ khưu tên Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: “Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”

2. Nhiều vị tỳ khưu đã nghe rằng: - “Nghe nói tỳ khưu tên Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.’”

3. Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã đi đến gặp tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng, sau khi đến đã nói với tỳ khưu Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này:

- “Này đại đức Ariṭṭha, nghe nói đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem

lại sự chướng ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?”

- “Này các đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”

4. - “Này đại đức Ariṭṭha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Tôn bởi vì việc vu khống đức Thế Tôn là không tốt. Bởi vì đức Thế Tôn không có nói như thế. Này đại đức Ariṭṭha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành.

Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.”

5. Khi được các vị tỳ khuru ấy nói như thế, tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng do có sự ngoan cố, chấp giữ, và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như thế: - “Này các đại đức, theo như tôi hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”

Bởi vì các vị tỳ khuru ấy không thể giúp cho tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy, sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

6. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng: - “Này Ariṭṭha, nghe nói tà kiến ác đã sanh khởi ở người như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành,’ có đúng không vậy?”

- “Bạch ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp

chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.”

- “Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu Pháp được ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành hay sao?

7. Dục tình đã được ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

Dục tình đã được ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

8. Nay kẻ rõ đại, hơn nữa người không những vu khống ta do sự sai lạc của bản thân mà người còn làm tổn hại chính bản thân và tích lũy nhiều điều bất thiện nữa. Nay kẻ rõ đại, chính điều ấy sẽ đem lại cho người sự thất bại và khổ đau lâu dài. Nay kẻ rõ đại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,

—nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

9. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vì ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Ariṭṭha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã

được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt— Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Ariṭṭha này trước đây là người huấn luyện chim ưng đã sanh khởi tà kiến ác như vậy: ‘Theo như ta hiểu về Pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chương ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.’ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

10. Và này các tỳ khuru, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ khuru Ariṭṭ ha trước đây là người huấn luyện chim ưng đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng."

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

1. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

2. Này các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

9. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quả trách, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai pháp.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

1. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng

Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

9. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

10. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quả trách, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

11. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. —nt—

12. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp.

Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN

1. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm

nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này.

4. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên

sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru này.

5. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru này.

6. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp, hạng chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng tỳ khuru này.

Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

BỐN MƯƠI BA PHẬN SỰ

1-43. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, —nt— đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.”

Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng (tức là) việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị ấy đã hoàn tục.

2. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói tỳ khuru Ariṭṭha trước đây là người huấn luyện chim ưng khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đã hoàn tục, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khuru, vì sao kẻ rồ dại ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru

rằng: - Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI

5. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo sa di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, giảng dạy tỳ khuru ni khi đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

6. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

7. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, làm công việc khuyến

bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý (để buộc tội), quả trách, nhắc nhở, vị câu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác không nên thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

**Đứt mười tám trường hợp không nên
thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà
kiến ác.**

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI

1. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo sa di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được chỉ định. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

2. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có năm yếu tố này.

3. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ *Uposatha* đối với vị tỳ khuru trong sạch, không đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không làm công việc khuyến bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý (để buộc tội), không quả trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các tỳ khuru. Nay các tỳ khuru, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác nên được thu hồi đối với vị tỳ khuru có tám yếu tố này.

Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

[VIỆC THU HỒI]

1. Và nay các tỳ khuru, nên được thu hồi như vậy: Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên trình với hội chúng như vậy:

“Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm phạm sự đứng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị tỳ khuru này tên (như vậy) làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tỳ khuru này tên (như vậy) làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tỳ khuru này tên (như vậy) làm phạm sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bốn phạm để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án

treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Dứt hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là thứ bảy.

Dứt Chương Hành Sự là thứ nhất.

Trong chương này có bảy sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Các tỳ khưu thuộc nhóm *Paṇḍuka* và *Lohitaka*, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, đã đi đến các vị có sở hành tương tự và ra sức tạo ra các sự xung đột.

2. Các sự xung đột chưa xảy ra thì các vị tạo ra, và đã xảy ra rồi thì làm cho tăng trưởng. Các vị tỳ khưu tốt lành, ít ham muốn, phàn nàn. *Bậc Pháp Chủ*, -

3. Đấng duy trì Chánh Pháp, đức Phật, bậc *Tự Tại*, *Nhân Vật Tối Cao*, đấng *Chiến Thắng* ở thành *Sāvattthi* ra lệnh làm hành sự khiển trách.

4. Việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, thiếu sự tra hỏi, với sự không thừa nhận, và việc ấy được thực hiện với tội không có vi phạm, không sám hối được, đã được sám hối.

5. Việc ấy được thực hiện khi chưa quở trách, chưa nhắc nhở, chưa xác định tội, và việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, không theo Pháp, và còn theo phe nhóm nữa.

6. Việc ấy được thực hiện thiếu sự tra hỏi, không theo Pháp, và còn theo phe nhóm nữa. Và việc ấy còn được thực hiện với sự không thừa nhận, không theo Pháp, và còn theo phe nhóm nữa.

7. Và việc ấy còn được thực hiện với tội không có vi phạm, không theo Pháp, và còn theo phe nhóm nữa. Và còn với tội đưa đến việc không sám hối được, không theo Pháp, và theo phe nhóm nữa.

8. Và tương tự như thế ấy với tội đã được sám hối, không theo Pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tự như thế ấy khi chưa quả trách, không theo Pháp, còn theo phe nhóm nữa.

9. Và tương tự như thế ấy khi chưa nhắc nhở, không theo Pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tự như thế ấy khi chưa xác định, không theo Pháp, còn theo phe nhóm nữa.

10. Theo đúng phương thức của các trường hợp tội, trường hợp sáng được nghiệm ra. Và trong khi mong muốn hội chúng có thể thực hiện việc khiển trách đến vị ấy.

11. Sự xung đột, vị ngu si, sống thân cận, vị bị hư hỏng về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tà kiến cực đoan, hội chúng nên thực hiện việc khiển trách.

12. Và vị nào chê bai đức Phật, Giáo Pháp, Hội Chúng, thì hội chúng nên thực hiện việc khiển trách đối với cả ba vị tỷ khuru này.

13. Hạng thường gây nên sự xung đột, ngu si, nương tựa vào sự thân cận, về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, tương tự như thế ấy về tà kiến cực đoan.

14. Và hạng nào chê bai đức Phật, Giáo Pháp, Hội Chúng, việc thực hành phận sự đúng đắn đối với hạng đã được thực hiện hành sự khiển trách là như vậy.

15. Việc cho tu bậc trên, việc ban phép nương nhờ, sự phục vụ của sa di, việc giáo giới, cho dù đã được chỉ định, vị đã được thực hiện hành sự thì không nên làm.

16. Và tương tự như thế, không nên phạm lại tội ấy, tội tương tự như vậy, và nghiêm trọng hơn thế, không nên chỉ trích hành sự, và luôn cả các vị thực hiện hành sự.

17. Đối với vị tỳ khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, việc khuyến bảo, việc cáo tội, việc thỉnh ý (để buộc tội), và với việc quở trách.

18. Việc nhắc nhở, và việc kết bè phái, việc tương tự như thế là không nên làm. Việc cho tu bậc trên, ban cho phép nương nhờ, sự phục vụ của sa di.

19. Việc giáo giới, cho dẫu đối với vị đã được chỉ định, với năm yếu tố thì không được thu hồi. Và vị phạm lại tội ấy, tội tương tự như vậy, và nghiêm trọng hơn thế.

20. Vị chỉ trích hành sự và các vị thực hiện hành sự, thì không thu hồi. Lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, việc khuyến bảo, việc cáo tội.

21. Việc thỉnh ý (để buộc tội), và luôn cả việc quở trách, việc nhắc nhở, việc kết bè phái, vị nào gắn bó với tám điều này, thì không thu hồi.

22. Theo đúng phương thức của các trường hợp tôi, trường hợp sáng được nghiệm ra. Vị Seyyasa là ngu si, phạm nhiều tội, và lại còn thân cận.

23. Đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí, đã ra lệnh làm hành sự chỉ dạy. Ở Kīṭ āgiri có hai vị tỳ khưu Assaji và Punabbasuka.

24. Họ không thu thúc, và đã thực hành việc sai trái các loại. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng, ở thành Sāvatthi (đã cho phép) hành sự xua đuổi. Vị Sudhamma ở Macchikāsaṇḍa đã là vị thường trú của (gia chủ) Citta.

25. Vị Sudhamma sỉ vả nam cư sĩ Citta về câu chuyện dòng dõi. Đấng Thiện Thệ đã ra lệnh làm hành sự hòa giải.

26. Vị tỳ khưu Channa ở thành Kosambi không muốn nhìn nhận tội. Đấng Chiến Thắng tôi thượng đã ra lệnh treo tội về việc không nhìn nhận.

27. Channa không muốn sửa chữa chính tội lỗi ấy, vị Lãnh Đạo đã ra lệnh làm hành sự án treo về việc không sửa chữa (lỗi).

28. Tà kiến ác, được nương tựa ở sự thiếu trí, đã khởi đến vị Arit t ha. Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến đã được bậc Chiến Thắng giảng giải.

29. Hành sự chỉ dạy, xua đuổi, và hòa giải là tương tự như thế, về việc không nhìn nhận, sửa chữa, và không từ bỏ tà kiến.

30. Việc đùa giỡn, sở hành sai trái, việc làm tổn hại, và nuôi mạng sai quấy, các điều phụ trội này là ở hành sự xua đuổi.

31. Mất lợi lộc, chê bai, hai lần năm có tên là 'hai nhóm năm,' các điều phụ trội này là ở hành sự hòa giải.

32. Việc khiển trách, và việc chỉ dạy, cả hai hành sự ấy là tương tự. Việc xua đuổi, việc hòa giải là có các điều còn lại.

33. Ba hành sự án treo là tương tự và đã được phân tích. Cũng theo phương thức của hành sự khiển trách, các hành sự còn lại được nghiệm ra."

Dứt Chương Hành Sự.

--ooOoo--

II. CHƯƠNG *PARIVĀSA*

1. PHẬN SỰ CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA*

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế tôn ngự tại Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khưu hành *parivāsa* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu hành *parivāsa* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu hành *parivāsa* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— Này các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu hành *parivāsa* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm,

nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

4. - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Nay các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, việc chấp tay, hành động thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, việc tiếp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khuru hành *parivāsa* với nhau được tính theo thâm niên.

6. Nay các tỳ khuru, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru hành *parivāsa*.¹

7. Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru hành *parivāsa*, các tỳ khuru hành

¹ Nghĩa là theo thứ tự thâm niên so với các tỳ khuru trong sạch (*VinA. vi*, 1160).

parivāsa nên thực hành theo như thế. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là:

8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt *parivāsa* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khuru trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng, và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khuru trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khất thực, không vì lý do đó

mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): ‘Chớ để họ biết về mình.’

11. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* là vị vãng lai nên trình báo (về hình phạt đang thọ đến các tỳ khưu thường trú), nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*. Nếu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm.

12. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khưu không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khưu, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khưu, vị tỳ khưu hành

parivāsa từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú,¹ trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ

¹ Hai nền tảng của việc không đồng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc là hội chúng hợp nhất ban án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tội, hoặc về việc không sửa chữa lỗi, hoặc về việc không từ bỏ tà kiến ác (TTPV 05, Chương X, trang 335; TTVN tập 05, từ trang 304).

trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

16. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

17. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ

khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

19. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không

phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

20. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

21. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư

ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru hành *parivāsa* cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* thâm niên hơn —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta*—nt— cùng với vị tỳ khuru thực hành *mānatta*—nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi

kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

22. Nay các tỳ khuru, nếu (nhóm) có vị thứ tư là vị hành *parivāsa* mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, (như thế) không phải là hành sự và không nên thực hành.”

Đút chín mươi bốn phạt của vị hành *parivāsa*.

23. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng: - “Bạch ngài, vị tỳ khuru hành *parivāsa* có bao nhiêu sự đút đêm?” - “Này Upāli, vị tỳ khuru hành *parivāsa* có ba sự đút đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ khuru đã nêu trong phần phạt sự ở trên), sự cư ngụ tách rời (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ khuru vắng lai, v.v...). Nay Upāli, đây là ba sự đút đêm của vị tỳ khuru hành *parivāsa*.”

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng tỳ khuru đông đảo tụ hội tại Sāvattthi. Các tỳ khuru hành *parivāsa* không thể hoàn thành hình phạt *parivāsa*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ngưng hình phạt *parivāsa*. Và này các tỳ khuru, nên ngưng như vậy: Vị tỳ khuru hành *parivāsa* nên đi đến một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Tôi ngưng hình phạt *parivāsa*.’ Hình phạt *parivāsa* đã được ngưng lại. ‘Tôi ngưng (thực hành) phạt sự.’ Hình phạt *parivāsa* đã được ngưng lại.”

26. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ở Sāvatti đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ khuru hành *parivāsa* có thể hoàn thành hình phạt *parivāsa*. Các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

27. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ trì hình phạt *parivāsa*. Và này các tỳ khuru, nên thọ trì như vậy: Vị tỳ khuru hành *parivāsa* nên đi đến một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Tôi thọ trì hình phạt *parivāsa*.’ Hình phạt *parivāsa* đã được thọ trì. ‘Tôi thọ trì phạt sự.’ Hình phạt *parivāsa* đã được thọ trì.”

Dứt phạt sự của vị hành *parivāsa*.

--ooOoo--

2. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghé kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: “—nt— Này các tỳ khuru, tại sao các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ

khuru trong sạch? Đây các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Đây các tỳ khuru, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.” Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

4. - “Đây các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *dukkaṭa* a.

5. Đây các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, —nt— việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu với nhau được tính theo thâm niên.

6. Đây các tỳ khuru, ta cho phép năm sự việc là lễ *Uposatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

7. Đây các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình

phạt) ban đầu, các tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu nên thực hành theo như thế. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là:

8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni đâu đã được chỉ định, vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu đã được hội chúng thực hiện với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khuru trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng, và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khuru trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc

làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): ‘Chớ để họ biết về mình.’

11. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

12. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru —nt— không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru —nt— không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. —nt— không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. —nt— không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

16. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. —nt— không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

17. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt—

18. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt—

19. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ

khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

20. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu thâm niên hơn —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khuru thực hành *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng sự

giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

21. Này các tỳ khuru, nếu (nhóm) có vị thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, (như thế) không phải là hành sự và không nên thực hành.”

Dứt phận sự của vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

--ooOoo--

3. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẬT MĀNATTA

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu xứng đáng hình phạt *mānatta* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hồi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu xứng đáng hình phạt *mānatta* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu xứng đáng hình phạt *mānatta* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.”

3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —nt— “Này các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu xứng đáng hình phạt *mānatta* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại

niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiến trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

4. - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* không nên ung thuận sự đánh lể, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch; vị nào ung thuận thì phạm tội *dukkat a*. Này các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lể, việc đứng dậy, —nt— việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các tỳ khuru, ta cho phép năm sự việc là lễ *Upasatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta*.

6. Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta*, các tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* nên thực hành theo như thế. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* nên thực hành phạt sự đứng đắn. Trong trường hợp này, các phạt sự đứng đắn ấy là:

7. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, —nt— không nên cấu kết với các tỳ khuru. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* không

nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khuru trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng, và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

8. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khuru trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khát thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): ‘Chớ để họ biết về mình.’

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên)

đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

11. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

12. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

13. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi

(cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

14. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

15. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’ —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

16. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

17. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

18. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

19. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt

mānatta thâm niên hơn —nt— cùng với vị tỳ khưu thực hành *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (trong khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

20. Nay các tỳ khưu, nếu (nhóm) có vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt *mānatta* mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, (như thế) không phải là hành sự và không nên thực hành.”

Dứt phận sự của vị xứng đáng hình phạt *mānatta*.

--ooOoo--

4. PHẬN SỰ CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khưu thực hành *mānatta* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch. Các tỳ khưu nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khưu thực hành *mānatta* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch?” Sau đó, các vị tỳ khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi các tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, nghe nói các tỳ khưu thực hành *mānatta* ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khưu, tại sao các tỳ khưu thực hành *mānatta* lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khưu trong sạch? Này các tỳ khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ

chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

3. - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *dukkaṭṭa* a.

4. Này các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, —nt— việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khuru thực hành *mānatta* với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các tỳ khuru, ta cho phép năm sự việc là lễ *Upasatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru thực hành *mānatta*.

6. Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru thực hành *mānatta*, các tỳ khuru thực hành *mānatta* nên thực hành theo như thế.

7. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* nên thực hành phạt sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phạt sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni đầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt *mānatta* với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tự, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không

nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị tỳ khuru trong sạch không nên đình chỉ lễ *Uposatha*, không nên đình chỉ lễ *Pavāraṇā*, không nên làm công việc khuyến bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý (để buộc tội), không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các tỳ khuru.

8. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khuru trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng, và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khuru trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): ‘Chớ để họ biết về mình.’

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* là vị vãng lai nên trình báo (về hình phạt đang thọ đến các tỳ khuru thường trú), nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ *Uposatha*, nên trình báo trong lễ *Pavāraṇā*, nên trình báo mỗi ngày. Nếu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm.

11. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ

khuru, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

12. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

13. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

14. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi

(cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

15. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

16. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. —nt— (không nên) đi đến nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (không nên) đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi (cùng đi) với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm.

17. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru

—nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

19. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

20. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành

chung một đường kinh hành (với vị tỳ khuru trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

21. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khuru thực hành *mānatta* thâm niên hơn —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

22. Nay các tỳ khuru, nếu (nhóm) có vị thứ tư là vị thực hành *mānatta* mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, nếu

có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, (như thế) không phải là hành sự và không nên thực hành.”

23. Khi ấy, đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Upāli đã nói với đức Thế Tôn rằng: - “Bạch ngài, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* có bao nhiêu sự đứt đêm?” - “Này Upāli, vị tỳ khuru thực hành *mānatta* có bốn sự đứt đêm: sự cư ngụ chung (với các hạng tỳ khuru đã nêu trong phần phạm sự ở trên), sự cư ngụ riêng rẽ (chỉ có một mình), sự không trình báo (cho các tỳ khuru vắng lai, v.v...), sự thực hành ở nhóm thiếu (nhân sự). Này Upāli, đây là bốn sự đứt đêm của vị tỳ khuru thực hành *mānatta*.”

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng tỳ khuru đông đảo đã tụ hội tại Sāvattthi. Các tỳ khuru thực hành *mānatta* không thể hoàn thành hình phạt *mānatta*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

25. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép ngưng hình phạt *mānatta*. Và này các tỳ khuru, nên ngưng như vậy: Vị tỳ khuru thực hành *mānatta* nên đi đến một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Tôi ngưng hình phạt *mānatta*.’ Hình phạt *mānatta* đã được ngưng lại. ‘Tôi ngưng (thực hành) phạm sự.’ Hình phạt *mānatta* đã được ngưng lại.”

26. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru ở Sāvattthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các tỳ khuru thực hành *mānatta* có thể

hoàn thành hình phạt *mānatta*. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép thọ trì hình phạt *mānatta*. Và này các tỳ khuru, nên thọ trì như vậy: Vị tỳ khuru thực hành *mānatta* nên đi đến một vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chõm hõm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Tôi thọ trì hình phạt *mānatta*.’ Hình phạt *mānatta* đã được thọ trì. ‘Tôi thọ trì phận sự.’ Hình phạt *mānatta* đã được thọ trì.”

Dứt phận sự của vị thực hành *mānatta*.

--ooOoo--

5. PHẬN SỰ CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Vào lúc bấy giờ, các vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch?”

2. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân

sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, tại sao các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch? Này các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

3. - “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, —nt— sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các tỳ khuru trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội *dukkat a*.

4. Này các tỳ khuru, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy, —nt— việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội với nhau được tính theo thâm niên.

5. Này các tỳ khuru, ta cho phép năm sự việc là lễ *Upasatha*, lễ *Pavāraṇā*, y tắm mưa, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội.

6. Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy ta sẽ quy định phạt sự cho các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, các tỳ khuru xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế.

7. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội nên thực hành phạt sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phạt sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, —nt— không nên cấu kết với các tỳ khuru. [Phạt sự của vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu như thế nào thì nên giải thích chi tiết (về phạt sự) của ba vị là: vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thực hành *mānatta*, vị xứng đáng sự giải tội một cách tương tự.]

8. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị tỳ khuru trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng, và vị ấy nên ưng thuận việc ấy.

9. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội không nên đi đến các gia đình với vị tỳ khuru trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp (đầu đà) cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp (đầu đà) hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực (nghĩ rằng): ‘Chớ để họ biết về mình.’

10. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có tỳ khuru không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có tỳ khuru, trừ phi (cùng đi) với vị tỳ khuru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới].

11. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú —nt— từ nơi không phải là chỗ trú —nt— từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru có thể đi đến chỗ trú có tỳ khuru —nt— (đi đến) nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru —nt— (đi đến) chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có tỳ khuru nếu các tỳ khuru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: ‘Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.’

12. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội cùng với vị tỳ khuru trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị tỳ khuru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị tỳ khuru trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị tỳ khuru trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi

vị kia) ngồi ở trên nền đất. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành (với vị tỳ khuru trong sạch), không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

13. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội cùng với vị tỳ khuru hành *parivāsa* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khuru thực hành *mānatta* —nt— cùng với vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội thâm niên hơn không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao (khi vị kia) ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi (khi vị kia) ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao (trong khi vị kia) đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi kinh hành ở trên mặt đất.

14. Nay các tỳ khuru, nếu (nhóm) có vị thứ tư là vị xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt *parivāsa*, đưa về lại (hình phạt) ban đầu, ban cho hình phạt *mānatta*, có

vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, (như thế) không phải là hành sự và không nên thực hành.”

Dứt phận sự của vị xứng đáng sự giải tội.

Dứt Chương *Parivāsa* là thứ nhì.

Trong chương này có năm sự việc.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Các vị hành parivāsa ưng thuận sự đánh lễ, sự đứng dậy, sự chấp tay, và hành động thích hợp của các tỳ khưu trong sạch.

2. Chỗ ngồi, sự sắp xếp chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tắm chà chân, sự tiếp rước y và bình bát, việc kỳ cọ lưng khi tắm, và các vị tốt phàn nàn.

3. Vị ưng thuận có tội dukkaṭ a, giữa các vị với nhau thì có năm điều được tính theo thâm niên là lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, y tắm, sự phân chia (vật cúng dường), bữa thọ trai.

4. Và việc làm phận sự đúng đắn trong trường hợp ấy, khi vị ấy cùng đi với vị tỳ khưu trong sạch, và vật nào là sau cùng, không với vị Sa-môn là vị đi trước hay đi sau.

5. Việc ở trong rừng, việc đem lại thức ăn, (trình báo) các vị vắng lai, vào ngày lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, và nhờ vị đại diện, và nơi nào có tỳ khưu thì có thể đi đến.

6. Không nên cư ngụ chung ở chỗ cùng một mái che, khi (vị kia) ngồi ở trên nền đất, ở chỗ ngồi thấp, và đi ở đường kinh hành (trong khi vị kia) đi ở trên mặt đất.

7. Đối với vị thâm niên, không phải là hành sự, các sự đút đêm, và vì sự hoàn thành, việc tạm ngưng, việc thọ trì lại, việc liên quan đến hình phạt parivāsa cần được biết đến.

8. Về lại (hình phạt) ban đầu, vị xứng đáng hình phạt mānatta, vị thực hành mānatta là tương tự như thế, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, cũng theo cách thức của sự phân chia.

9. Có ba điều cho các vị hành parivāsa, bốn điều cho các vị thực hành mānatta là không đạt yêu cầu trong các trường hợp đút đêm, và ở các trường hợp mānatta là việc (trình báo) hàng ngày. Hai hành sự là tương tự, ba hành sự còn lại là giống như nhau.”

--ooOoo--

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI

1. TỘI XUẤT TINH

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy:

Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội

xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ nhì tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, lần thứ ba tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.'

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt mānatta của tội không có che giấu.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI KHÔNG CÓ CHE GIẤU

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ nhì.

Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ ba.'

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt mānatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.'

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt mānatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt mānatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý,

không có che giấu đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc giải tội của tội không có che giấu.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy:

Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay

lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

*‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vì ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.*

*Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vì ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý,*

đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *parivāsa* của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hình phạt *parivāsa*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy:

Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hình phạt *parivāsa*, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa*

một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt parivāsa, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt parivāsa, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *mānatta* của tội che giấu một ngày.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU MỘT NGÀY

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy:

Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt *mānatta*, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được

che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt mānatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bach các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tỳ khuru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt mānatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc giải tội của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NĂM NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu hai ngày. —nt— đã được che giấu ba ngày. —nt— đã được che giấu bốn ngày. —nt— Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ

khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hồm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự

cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt hình phạt *parivāsa* của tội che giấu năm ngày.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA*

1. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên

thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình

phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi. Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị hành
parivāsa.**

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại

(hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - "Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: 'Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý,

không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. 'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không

có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng
đáng hình phạt *mānatta*.**

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có

che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. 'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Vị ấy có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Vị ấy có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta*

sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru *Udāyi*. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru *Udāyi* xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ khuru *Udāyi*. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’’

Dứt hình phạt *mānatta* của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực

hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm

một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội.

Hội chúng đã cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3. 'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Vị ấy có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khưu Udāyi. Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là

tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Lúc đang thực hành mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu —nt— của tỳ khuru Udāyi, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

4. Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Hội chúng đã đưa tôi đây —nt— về lại (hình phạt) ban đầu —nt— Tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. —nt— Hội chúng đã đưa tôi đây —nt— về lại (hình phạt) ban đầu —nt— Tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. —nt— Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này —nt— thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm —nt— Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội

chúng nên ban cho tỳ khuru Udāyi —nt— hình phạt mānatta sáu đêm —nt— Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. —nt— Hội chúng ban cho hình phạt mānatta sáu đêm —nt— đến tỳ khuru Udāyi. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che dấu, đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dấu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu vị thực hành mānatta.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: —nt— Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *mānatta* như vậy: —nt—

Hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng
đáng sự giải tội.**

VIỆC GIẢI TỘI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Tôi đây có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây.

Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây,

dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *mānatta*, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu còn dở dang.

Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dầu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi.'

Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi.

Lúc đang thực hành mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ khuru Udāyi,

dầu còn dở dang, hình phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Với hình phạt m $\bar{a}$ natta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dầu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dầu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho tỳ khuru Udāyi, dầu còn dở dang, hình phạt m $\bar{a}$ natta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

Vị ấy có hình phạt m $\bar{a}$ natta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. —nt— Vị ấy có hình phạt m $\bar{a}$ natta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Việc giải tội của vị được đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Vào lúc bấy giờ, đại đức Udāyi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình

phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Hình phạt *parivāsa* của tội che giấu nửa tháng.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH *PARIVĀSA* NỬA THÁNG

1. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Lúc đang hành parivāsa, dẫu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình

phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của tỳ khuru Udāyi, dấu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi, dấu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị hành *parivāsa* nửa tháng.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KẾT HỢP

1. Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có

sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khưu Udāyi. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý,

đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghị.

3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi. Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình

phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru *Udāyi*, dẫu còn dở dang. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru *Udāyi*, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho tỳ khuru *Udāyi*, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’’

Dứt hình phạt *parivāsa* kết hợp.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU, V.V...

CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT *MĀNATTA*

1. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây.

Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: —nt—

Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: —nt—

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

3. ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi.
—nt— Hội chúng đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang,
về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố
ý đã được che giấu năm ngày và ban cho hình phạt
parivāsa kết hợp với tội trước đây. Đại đức nào đồng ý
—nt— xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một
tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã
được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở
dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng,
tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

**Dứt việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, v.v... của
vị xứng đáng hình phạt *mānatta*.**

HÌNH PHẠT *MĀNATTA* CỦA NHÓM BA TỘI

1. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội ... đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng ... đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội ... đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội ... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội ... đã được che giấu năm ngày. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội ... đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội ... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp ... của một tội ... đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội

chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Vị ấy có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Vị ấy có hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt mānatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho tỳ khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’’

Dứt hình phạt *parivāsa* của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU, V.V... CỦA VỊ THỰC HÀNH *MĀNATTA*

1. Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây, (sau đó) ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm.

2. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: —nt— Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: —nt— Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm như vậy: —nt— Hội chúng ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm đến tỳ khuru Udāyi. —nt—

Hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che dấu năm ngày, được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

**Dứt các việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, v.v...
của vị thực hành *mānatta*.**

**VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU, V.V...
CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG SỰ GIẢI TỘI**

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây, (sau đó) ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm. Và này các tỳ khuru, nên đưa về lại (hình phạt) ban đầu như vậy: —nt— Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây như vậy: —nt— Và này các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm như vậy:—nt— Hội chúng ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm đến tỳ khuru Udāyi. —nt—

Hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã che giấu năm ngày được hội chúng ban cho tỳ khuru Udāyi, dấu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’”

Dứt các việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, v.v...

của vị xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TỘI CỦA TỘI CHE GIẤU NỬA THÁNG

1. Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Tôi đây có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy giải tội cho tỳ khuru Udāyi.

2. Và này các tỳ khuru, nên giải tội như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy:

‘Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh

cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây.

Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh

cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của ba tội đến tôi đây.

Lúc đang thực hành *mānatta*, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.—

Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dẫu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình

phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dấu còn dở dang.

Vói hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dấu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dấu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dấu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.

Dấu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dấu còn dở dang. Dấu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dấu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.'

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tỳ khuru Udāyi.

Lúc đang hành parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.—

Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang.

Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình

phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt mānatta sáu đêm của ba tội đến tỳ khuru Udāyi.

Lúc đang thực hành mānatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt parivāsa đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng

đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru *Udāyi*, dấu còn dở dang.

Với hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dấu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dấu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tỳ khuru *Udāyi*, dấu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dấu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.—

Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru *Udāyi*, dấu còn dở dang. Với hình phạt *parivāsa* đã được hoàn thành, dấu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt *mānatta* sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tỳ khuru *Udāyi*, dấu còn dở dang. Vị ấy có hình phạt *mānatta* đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho tỳ khuru *Udāyi*. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. —nt— Vị ấy có hình phạt mānatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho tỳ khuru Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho tỳ khuru Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Tỳ khuru Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’’

Dứt việc giải tội của tội che giấu nửa tháng.

Tội xuất tinh được đầy đủ.

--ooOoo--

2. HÌNH PHẠT *PARIVĀSA*

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI

1. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, một tội đã được che giấu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giấu năm ngày, một tội đã được che giấu sáu ngày, một tội đã được che giấu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— một tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị tỳ khuru ấy hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội nào đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong số

các tội ấy đã được che giấu mười ngày tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, nt— một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu mười ngày, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với

việc ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khưu tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày trong số các tội ấy đến tỳ khưu tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của tội.

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* KẾT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY

1. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giấu ba ngày, bốn tội đã được che giấu bốn ngày, năm tội đã được che giấu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã

được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày.

2. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị tỳ khuru ấy hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội nào đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội ấy.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: một

tội đã được che giấu một ngày, —nt— mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thính câu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội saṅghādisesa: một tội đã được che giấu một ngày, —nt— mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thính câu hội chúng hình phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội ấy.—

Hội chúng ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt parivāsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'"

**Dứt hình phạt *parivāsa* kết hợp với giá trị
của tội che giấu dài ngày.**

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’”

2. Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng: - “Này các đại đức, tôi đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên

thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?—

Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Vậy tôi nên thực hành như thế nào?”

3. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ khuru ấy. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

- Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành parivāsa pháp hộ then đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành parivāsa pháp hộ then đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng.

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

- Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được

che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành parivāsa pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng.—

Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành parivāsa pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội saṅghādisesa đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội

saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành parivāsa pháp hỏ then đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội saṅ ghādisesa đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành parivāsa pháp hỏ then đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hội chúng đã ban cho hình phạt parivāsa hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy."

Này các tỳ khuru, vì lý do ấy vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

CÁCH THỨC NÊN HÀNH *PARIVĀSA* HAI THÁNG

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy khởi ý như vậy: “Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hộ then đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hộ then đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?’” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vì lý do ấy vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

2. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội vị ấy nhận biết, một tội vị ấy không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, vì lý do ấy vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội vị ấy nhớ, một tội vị ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Nay các tỳ khuru, vì lý do ấy vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của tội ấy đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của luôn cả tội kia đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Nay các tỳ khuru, vì lý do ấy vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội đã

được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *sarī ghādisesa* che giấu hai tháng: một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tội nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả.

Này các đại đức, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với một tội.”

6. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tội nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tội nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các đại đức, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với một tội.”

7. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?”

Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã

được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của các tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Nay đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.”

Vị ấy nói như vậy: - “Nay các đại đức, tội nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Nay các đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Nay các đại đức, vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với một tội.”

8. Nay các tỳ khuru, có vị tỳ khuru nọ đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?”

Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hộ then đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây

đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṇ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’”

Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- “Này các đại đức, tôi đã phạm hai tội *saṇ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṇ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *saṇ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *saṇ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tội đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tội đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vậy tôi nên thực hành như thế nào?”

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Nay các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị tỳ khuru ấy. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, —nt— và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

10. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của

hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng? Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: ‘Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã

xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng.—

Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Này các tỳ khuru, tính luôn tháng trước vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

11. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai

tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: “Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: ‘Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng?’ Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* một tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa* pháp hồ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: ‘Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?’” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khưu, tính luôn tháng trước vị tỳ khưu ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

12. Này các tỳ khưu, trường hợp vị tỳ khưu phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biết. Tháng mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết, của hai tội đã được che giấu hai

tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng.—

Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhận biết, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, tính luôn tháng trước vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

13. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng vị ấy nhớ, tháng kia vị ấy không nhớ. Tháng mà vị ấy nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy nhớ được tháng kia. Vị ấy nghĩ

như vậy: “Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?” Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, tính luôn tháng trước vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

14. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, vị ấy không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vậy: “Ta đã phạm hai tội *sañ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng

mà không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* tháng ấy của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng?"

Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* luôn cả tháng kia của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy.

Này các tỳ khuru, tính luôn tháng trước vị tỳ khuru ấy nên hành *parivāsa* hai tháng.

15. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅ ghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có

khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?” Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tháng nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các đại đức, vị tỳ khuru là xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với tội một tháng.”

16. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai

tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?” Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tháng nào đã được che giấu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các đại đức, vị tỳ khuru là xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với tội một tháng.”

17. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu không ghi nhớ, một tháng đã được

che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành *parivāsa*, có vị tỳ khuru khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vậy:

- “Này các đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm tội gì? Vì sao vị tỳ khuru này hành *parivāsa*?” Các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm hai tội *saṅghādisesa* đã được che giấu hai tháng: một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* hai tháng của hai tội ấy đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này đại đức, vị tỳ khuru này đã phạm các tội ấy. Vị tỳ khuru này hành *parivāsa* vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tháng nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt *parivāsa* của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các đại đức, vị tỳ khuru là xứng đáng hình phạt *mānatta* đối với tội một tháng.”

[Dứt cách thức nên hành *parivāsa* hai tháng.]

HÌNH PHẠT *PARIVĀSA* TỪ MỐC TRONG SẠCH

1. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu). Vị ấy đã kể lại cho các tỳ khuru rằng:

- “Này các đại đức, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu); vậy tôi nên thực hành như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

2. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch¹ của các tội ấy đến vị tỳ khuru ấy. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội

¹ Hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch: Bản dịch Anh ngữ của Rhydavis và Oldenberg ghi lời giải thích của ngài Buddhaghosa là số lượng đêm thực hành *suddhantaparivāsa* nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngày hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng hiện nay là xác định thời gian trong sạch tính từ ngày tu lên bậc trên, rồi thực hành *suddhantaparivāsa* cho thời gian còn lại. Lỗi giải thích này phù hợp với ý nghĩa của từ *suddhanta* = *suddha* + *anta* = thời điểm cuối khi được trong sạch (ND).

chúng, —nt— và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu). Bạch các ngài, tôi thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* từ móc trong sạch của các tội ấy.’

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu). Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* từ móc trong sạch của các tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt *parivāsa* từ móc trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các

đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu). Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch của các tội ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

4. Và này các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như vậy, hình phạt *parivāsa* nên được ban cho như vậy.

5. Và này các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho thế nào?

Vị không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số

lượng của các đêm (đã giấu) thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm (đã giấu), nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu) thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, không biết số lượng của các đêm, nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, không nhớ số lượng của các đêm, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về số lượng của các đêm thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đêm một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đêm một phần không nhớ, có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm một phần không nghi ngờ thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết số lượng của các tội, biết một phần số lượng của các đêm một phần không biết, nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng của các đêm một phần

không nhớ, không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đê mê một phần không nghi ngờ thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, biết một phần số lượng của các đê mê một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, nhớ một phần số lượng của các đê mê một phần không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đê mê một phần không nghi ngờ thì hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho.

Này các tỳ khưu, hình phạt *parivāsa* từ mốc trong sạch nên được ban cho như thế.

6. Và này các tỳ khưu, hình phạt *parivāsa* nên được ban cho thế nào?

Vị biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đê mê (đã giấu), nhớ số lượng của các tội, nhớ số lượng của các đê mê (đã giấu), không nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đê mê (đã giấu) thì hình phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đê mê (đã giấu), không nhớ số lượng của các tội, nhớ

số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu) thì hình phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Vị biết một phần số lượng của các tội một phần không biết, biết số lượng của các đêm (đã giấu), nhớ một phần số lượng của các tội một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đêm (đã giấu), có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội một phần không nghi ngờ, không nghi ngờ về số lượng của các đêm (đã giấu) thì hình phạt *parivāsa* nên được ban cho.

Này các tỳ khưu, hình phạt *parivāsa* nên được ban cho như thế."

Dứt hình phạt *parivāsa*.

--ooOoo--

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH *PARIVĀSA*

Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khuru nọ đang hành *parivāsa* đã hoàn tục. Vị ấy đã trở lại và thỉnh cầu sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

1. “Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại hoàn tục. Này các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *parivāsa* là đã được hành *parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *parivāsa* phần còn lại.

2. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại xuống sa di. Này các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị sa di. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *parivāsa* là đã được hành *parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *parivāsa* phần còn lại.

3. Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại bị điên. Này các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bị

điền, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *parivāsa* là đã được hành *parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *parivāsa* phần còn lại.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* bị loạn trí. Nay các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bị loạn trí, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *parivāsa* là đã được hành *parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *parivāsa* phần còn lại.

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* bị thọ khổ hành hạ. Nay các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy.
—nt—

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không nhìn nhận tội. Nay các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy.
—nt—

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. Nay các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. —nt—

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa* lại bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, hình phạt *parivāsa* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành *parivāsa* là đã được hành *parivāsa* tốt đẹp. Nên hành *parivāsa* phần còn lại.

9-16. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu lại xuống sa di. —nt— bị điên. —nt— bị loạn trí. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— bị án treo về việc không nhìn nhận tội. —nt— bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. —nt— bị án treo về việc

không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

17-24. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, hình phạt *mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến vị ấy. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* lại xuống sa di. —nt— bị điên. —nt— bị loạn trí. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— bị án treo về việc không nhìn nhận tội. —nt— bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. —nt— bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, hình phạt *mānatta* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến vị ấy.

25. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang thực hành hình phạt *mānatta* lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, việc thực hành hình phạt *mānatta* không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

26-32. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang thực hành hình phạt *mānatta* lại xuống sa di. —nt— bị điên. —nt— bị loạn trí. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— bị án treo về việc không nhìn nhận tội. —nt— bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. —nt— bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, việc thực hành hình phạt *mānatta* không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phần còn lại.

33. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục. Nay các tỳ khuru, sự giải tội

không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị tỳ khuru ấy nên được giải tội.

34-40. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội lại xuống sa di. —nt— bị điên. —nt— bị loạn trí. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— bị án treo về việc không nhìn nhận tội. —nt— bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. —nt— bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nay các tỳ khuru, sự giải tội không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt *parivāsa* trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt *parivāsa* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *parivāsa* nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt *mānatta* nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vị tỳ khuru ấy nên được giải tội.”

Bốn mươi trường hợp hành *parivāsa* được đầy đủ.

--ooOoo--

4. BA MUỖI SÁU TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4-9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu. —nt— không hạn lượng có che giấu và không che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. —nt— có hạn lượng

và không hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10-36. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* —nt— đang thực hành hình phạt *mānatta* —nt— xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. —nt— có hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. —nt— không hạn lượng, không che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ.

--ooOoo--

5. MỘT TRĂM TRƯỜNG HỢP *MĀNATTA*

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, hình phạt *mānatta* nên được ban cho vị tỳ khuru ấy.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế về sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này cũng không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội

đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số

tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy

giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các

tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

16. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy

đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

17. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

18. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không

nghe ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

19. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghe ngờ, một số tội có nghe ngờ. Các tội nào vị ấy không nghe ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghe ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghe ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghe ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghe ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghe ngờ và không giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

20. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghe ngờ, một số tội có nghe ngờ. Các tội nào vị ấy không nghe ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghe ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghe ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghe ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghe ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghe ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt

parivāsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

21-40. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru sau khi phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. [Nên được giải thích chi tiết như phần trên] —nt—

41-60. —nt— bị điên. —nt—

61-80. —nt— bị loạn trí. —nt—

81-100. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. —nt— Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. —nt— Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. —nt— Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. —nt— Các tội

nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Nay các tỳ khuru, nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị tỳ khuru ấy, rồi nên ban cho hình phạt *mānatta*.

Dứt một trăm trường hợp *mānatta*.

--ooOoo--

6. BỐN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên

được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

4. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

5. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

6. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Các tội của vị ấy có che giấu, và không được che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy

nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

10. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban

đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

11. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

12. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và

hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

13. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

14. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với

tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

15. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

16. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với

tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

17. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

18. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với

tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

19. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

20. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình

phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

21-40. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

41-60. —nt— bị điên. —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

61-80. —nt— bị loạn trí. —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

81-100. —nt— bị thọ khổ hành hạ. —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới] Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu —nt— [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. —nt— Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. —nt— Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ thì vị ấy giấu giếm, các tội nào vị ấy có nghi ngờ thì vị ấy không giấu giếm. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm,

các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.

101-200. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng hình phạt *mānatta* —nt— [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] —nt—

201-300. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru là vị đang thực hành hình phạt *mānatta* —nt— [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục] —nt—

301-400. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa*, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt— [Vị xứng đáng hình phạt *mānatta*, vị thực hành *mānatta*, và vị

xứng đáng giải tội nên được giải thích chi tiết như vị hành *parivāsa*]. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*, không che giấu, rồi xuống sa di. —nt— bị điền. —nt— bị loạn trí. —nt— bị thọ khổ hành hạ. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. —nt— Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. —nt— Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. —nt— Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy.

Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. —nt— Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm.

giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị tỳ khuru ấy nên được đưa về lại (hình phạt) ban đầu. Và hình phạt *parivāsa* kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy.”

Dứt bốn trăm trường hợp đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

--ooOoo--

7. TÁM TRƯỜNG HỢP CÓ HẠN LƯỢNG, V.V...

1. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

2. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* không hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

3. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* cùng một tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

4. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

5. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* cùng nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

6. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* khác nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

7. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* riêng biệt, không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

8. Đây các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có liên quan,¹ không che giấu, rồi hoàn tục. —nt—

[Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]

Dứt tám trường hợp có hạn lượng, v.v...

--ooOoo--

¹ Trong số mười ba tội *saṅ ghādisesa*, các tội 1, 5, 12, 13 là *vavatthitā* (riêng biệt), các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là *sambhinnā* (có liên quan). Về hai từ *sabhāgā* (cùng nhóm phân loại) và *visabhāgā* (khác nhóm phân loại) chỉ khác cách nói còn ý nghĩa thì tương tự (*VinA. vi*, 1191).

8. MUỖI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỖ KHƯU

1. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *sañ ghādisesa* trên cơ sở tội *sañ ghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

2. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Hai vị có nghi ngờ là tội *sañ ghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

3. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội *sañ ghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

4. Hai vị tỳ khuru phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội *sañ ghādisesa* trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho

hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

5. Hai vị tỳ khuru phạm tội lẫn lộn. Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkat a* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

6. Hai vị tỳ khuru phạm tội nhẹ.¹ Hai vị có quan điểm là *saṅ ghādisesa* trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkat a*. Cả hai vị nên được hành xử theo Pháp.

7. Hai vị tỳ khuru phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkat a*. Cả hai vị nên được hành xử theo Pháp.

8. Hai vị tỳ khuru phạm tội *saṅ ghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *saṅ ghādisesa* trên cơ sở tội *saṅ ghādisesa*. Một vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ khai báo;’ vị kia (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không khai báo.’ Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi

¹ Chú Giải giải thích rằng sau tội *saṅ ghādisesa* là nhóm các tội nhẹ (*VinA. vi*, 1191).

hùng đông đã lộ dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

9. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *sañ ghādisesa* trên cơ sở tội *sañ ghādisesa*. Hai vị ra đi (nghĩ rằng): ‘Chúng ta sẽ khai báo.’ Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vị (nghĩ rằng): ‘Ta sẽ không khai báo.’ Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hùng đông đã lộ dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

10. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Hai vị có quan điểm là tội *sañ ghādisesa* trên cơ sở tội *sañ ghādisesa*. Hai vị bị điên. Về sau, khi hai vị hết bị điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkaṭa* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.

11. Hai vị tỳ khuru phạm tội *sañ ghādisesa*. Khi giới bốn *Pātimokkha* đang được đọc tụng, hai vị phát biểu như vậy: - ‘Cho đến hôm nay chúng tôi mới biết được rằng: Nghe nói pháp này cũng được truyền lại trong giới

bốn, được chứa đựng trong giới bốn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa tháng.’ Hai vị có quan điểm là tội *saṅghādisesa* trên cơ sở tội *saṅghādisesa*. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội *dukkatā* và nên ban cho hình phạt *parivāsa* theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt *mānatta* nên được ban cho đến cả hai vị.”

Dứt mười một trường hợp về hai vị tỳ khuru.

--ooOoo--

9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết

hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, rồi giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

2. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *sarī ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *sarī ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, và giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *sarī ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang,

vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, và giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

4-7. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghā-disesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, và

giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội.—

Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, và giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng và

không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dấu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dấu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* sai Pháp, và giải tội sai Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy không được trong sạch với các tội ấy.

Dứt chín trường hợp không được trong sạch trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

--ooOoo--

10. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1-3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dấu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. —nt— có hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. —nt— Dấu

còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* không hạn lượng, không che giấu ... không hạn lượng, có che giấu ... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

7-9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng,

—nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khru, vị tỳ khru ấy được trong sạch với các tội ấy.”

Dứt chín trường hợp được trong sạch trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu.

--ooOoo--

11. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI (HÌNH PHẠT) BAN ĐẦU

1. Nay các tỳ khru, trường hợp vị tỳ khru phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội

chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *sañ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta

đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa* có hạn lượng, không che giấu.—

Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp?”

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

2-3. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṇ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng,

—nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu. —nt— có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy (nghĩ) như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng ... riêng biệt, và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hphạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại (hphạt) ban đầu của các tội, và đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể

sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *saṅghādisesa* có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp?”

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) sự hành *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

4-6. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* không hạn lượng, không che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu. —nt— không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’—nt— ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

7. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban

đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ —nt— ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

8. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, ..., riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu.—

Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “Ta đã phạm nhiều tội *saṅ ghādisesa*: có hạn lượng —nt— riêng

biệt, và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *sarī ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *sarī ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp?”

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) sự hành *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp,

và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.

9. Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru phạm nhiều tội *saṅghādisesa*: có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội *saṅghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu.

Đúng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy (suy nghĩ) như sau: “Ta đã

phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng, không hạn lượng, —nt— riêng biệt, và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp của các tội ấy đến ta đây.—

Lúc đang hành *parivāsa*, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dẫu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại (hình phạt) ban đầu của các tội, và đã ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: ‘Ta đang hành *parivāsa*,’ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội *sañ ghādisesa* có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp?”

Dẫu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang

của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, (thỉnh cầu) hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, (thỉnh cầu) hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại (hình phạt) ban đầu của các tội dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội dẫu còn dở dang của các tội khác, và ban cho hình phạt *parivāsa* kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt *mānatta* đúng Pháp, và giải tội đúng Pháp. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy được trong sạch với các tội ấy.”

**Dứt chín trường hợp không được trong sạch thứ nhì
trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu.**

Chương Tích Lũy Tội là thứ ba.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY:

1. Bạc Hiên Sĩ đã thuyết về tội không che giấu, (che giấu) một ngày, hai ngày, ba ngày, và bốn ngày, năm ngày, nửa tháng, mười ngày, và (hình phạt parivāsa) từ mốc trong sạch.

2. Trong khi hoàn tục, về tám trường hợp có hạn lượng, hai vị tỳ khưu, tại nơi ấy có sự suy nghĩ, cả hai nghi ngờ, có quan điểm là tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội lẫn lộn.

3. Có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội nhẹ, có quan điểm là trong sạch, và vị giấu giếm, rồi với vị ra đi.

4. Vị bị điên, và việc trình báo, về lại (hình phạt) ban đầu, vị trong sạch trở lại. Các lời dạy vì sự tôn tại của Chánh Pháp là của các giáo thọ sư nhóm Vibhajja, cư trú tại Mahāvihāra, những vị làm rạng ngời đảo Tambapaṇi.”

Dứt Chương Tích Lũy Tội.

--ooOoo--

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP

1. HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các vị tỳ khuru không có hiện diện. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phản nản, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện?”

Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và đã hỏi các tỳ khuru rằng:

- “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: - “Này các tỳ khuru, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn,

không được phép, không nên làm. Nay các tỳ khuru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện? Nay các tỳ khuru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, —nt— Sau khi khiển trách, —nt— ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Nay các tỳ khuru, không nên thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo cho các tỳ khuru không có hiện diện; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.”

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP

Một người nói sai Pháp, nhiều người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

1. Một người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Một người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều

này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

3. Một người nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

4. Nhiều người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

5. Nhiều người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

6. Nhiều người nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy

rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

7. Hội chúng nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

8. Hội chúng nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

9. Hội chúng nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.”

Dứt chín trường hợp nói sai pháp.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP

1. Một người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

2. Một người nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

3. Một người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được

giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

4. Nhiều người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

5. Nhiều người nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

6. Nhiều người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

7. Hội chúng nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

8. Hội chúng nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

9. Hội chúng nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo Sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.’ Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.”

Dứt chín trường hợp nói đúng pháp.

--ooOoo--

2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Rājagaha, Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.¹ Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được đại đức Dabba Mallaputta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ấy đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với vị ấy, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, đại đức Dabba Mallaputta trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?” Rồi điều này đã khởi đến cho đại đức Dabba Mallaputta: “Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?”

2. Sau đó vào buổi tối, đại đức Dabba Mallaputta đã xuất khỏi thiền tịnh và đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: ‘Phẩm vị A-la-hán đã được ta

¹ Câu chuyện này được thấy ở điều học *saṃ ghādisesa* 8 nhưng đoạn kết khác biệt (TTPV 01, từ trang 417; TTVN tập 01, từ trang 379).

chúng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?” Bạch ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: ‘Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?’ Bạch ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.” - “Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy người hãy phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng.” - “Bạch ngài, xin vâng.” Đại đức Dabba Mallaputta đã đáp lại đức Thế Tôn.

3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã nói Pháp thoại rồi bảo các vị tỳ khưu rằng: - “Này các tỳ khưu, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các tỳ khưu, nên chỉ định như vậy: Trước hết, Dabba cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ

trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định đại đức Dabba Mallaputta là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Đại đức Dabba Mallaputta đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’’

4. Và khi đã được chỉ định, đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu có cùng sở hành. Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu chuyên về Kinh (nghĩ rằng): ‘Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau.’ Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu rành rẽ về Luật (nghĩ rằng): ‘Các vị sẽ xác định về Luật với nhau.’ Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu chuyên giảng Pháp (nghĩ rằng): ‘Các vị sẽ thảo luận về Pháp với nhau.’ Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu chuyên về thiền (nghĩ rằng): ‘Các vị sẽ không quấy rầy lẫn nhau.’ Vị ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các tỳ khưu chuyên nói chuyện thế tục, sinh hoạt có nhiều sự năng động về thân (nghĩ rằng): ‘Các đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy.’ Còn các tỳ khưu đi đến vào buổi tối, vị ấy thể nhập vào hỏa giới và phân bố chỗ trú cho các vị ấy bằng chính ánh sáng ấy.

5. Cho nên, các tỳ khưu cố ý đi đến vào buổi tối (nghĩ rằng): ‘Chúng ta sẽ chứng kiến sự kỳ diệu về thân thông của đại đức Dabba Mallaputta.’ Sau khi đi đến gặp đại đức Dabba Mallaputta, các vị ấy nói như vậy: - “Này đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú cho chúng tôi.” Đại đức Dabba Mallaputta nói với các vị ấy như vậy: - “Các đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào?” Các vị ấy cố ý đề cập các chỗ xa xôi: - “Này đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở núi Gijjhakūṭa. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khe núi Kê Cướp. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapaṇṇa. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Sītavana, động Sappasonḍika. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Gotama. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tinduka. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tapoda. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khu vườn Tapoda. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở vườn xoài của Jīvaka. Này đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Maddakucchi, nơi vườn nai.”

6. Đối với các vị ấy, đại đức Dabba Mallaputta đã thể nhập vào hỏa giới và đi ở phía trước với ngón tay đang được thấp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau đại đức Dabba Mallaputta. Đại đức Dabba Mallaputta phân bố chỗ trú cho các vị ấy như vậy: -

“Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chống, đây là qui định của hội chúng: ‘Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.’” Sau khi đã phân bố chỗ trú cho các vị ấy, đại đức Daba Mallaputta quay trở về lại Veluvana.

7. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vị mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú tồi tàn thuộc về hội chúng và những bữa ăn đạm bạc. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đến các tỳ khuru trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo gồm có bơ lỏng, dầu ăn, phần ăn thượng hạng, và thường dâng đến các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về sau bữa ăn thường hỏi các tỳ khuru trưởng lão rằng: - “Này các đại đức, các vị đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì?” Một số trưởng lão trả lời như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn thượng hạng.” Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vậy: - “Này các đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua.”

8. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon thường cúng dường đến hội chúng bữa ăn gồm bốn phần là bữa ăn thượng lệ. Vị ấy cùng vợ và các con

thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này com, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn, và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vị gia chủ có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến đại đức Dabba Mallaputta, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Dabba Mallaputta rồi ngồi xuống một bên. Khi vị gia chủ có bữa ăn ngon đã ngồi xuống một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon bằng bài Pháp thoại.

9. Sau đó, khi đã được đại đức Dabba Mallaputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này: - “Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sắp xếp cho vị nào?” - “Ngày gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sắp xếp cho các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka.” Khi ấy, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng (nghĩ rằng): “Tại sao các tỳ khưu tôi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?” rồi đã đi về nhà và dặn dò người tớ gái rằng: - “Ngày con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vị đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho và hãy phục vụ các vị ấy với com tấm và món thứ hai là cháo chua.” - “Thưa ông chủ, xin vâng.” Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon.”

10. Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): - “Này các đại đức, hôm qua bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này com, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vị nọ dầu ăn, và sẽ dâng các vị khác phần ăn thượng hạng.” Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vị đã không ngủ được như ý.

11. Sau đó vào buổi sáng, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thấy các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đằng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Thưa các ngài, xin hãy ngồi.” Khi ấy, các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điều này: “Chắc hẳn đến giờ này bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thế này!” Sau đó, cô tớ gái ấy đã trở lại với com tấm và món thứ hai là cháo chua (nói rằng): - “Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.” - “Này chị gái, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ.” - “Tôi biết các ngài đại đức là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua tôi đã được vị gia chủ dặn dò rằng: ‘Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vị đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho và hãy phục vụ các vị ấy với com tấm và món thứ hai là cháo chua.’ Thưa các ngài, xin hãy thọ thực.”

12. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka (bàn bạc rằng): - “Này các đại đức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện gặp Dabba Mallaputta. Chắc chắn rằng chúng ta đã bị Dabba Mallaputta ly gián với vị gia chủ!” Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng.

13. Khi ấy, tỳ khuru ni Mettiyā đã đi đến gặp các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Tôi xin chào các ngài đại đức.” Khi được nói như thế, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đến lần thứ nhì, —nt— Đến lần thứ ba, tỳ khuru ni Mettiyā đã nói với các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: - “Tôi xin chào các ngài đại đức.” Đến lần thứ ba, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. - “Có phải tôi làm phật lòng các ngài đại đức? Tại sao các ngài đại đức không nói chuyện với tôi?” - “Này chị gái, bởi vì cô vẫn đứng dung như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputta làm tổn hại.” - “Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì?” - “Này chị gái, nếu cô chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay đức Thế Tôn có thể trực xuất Dabba

Mallaputta.” - “Thưa các ngài đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì?”

14. - “Này chị gái, hãy đến. Cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vậy: ‘Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.’” - “Thưa các ngài đại đức, xin vâng.” Rồi tỳ khưu ni Mettiyā nghe theo các tỳ khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, tỳ khưu ni Mettiyā đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Bạch ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa, và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài đại đức Dabba Mallaputta.”

15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy, đã triệu tập hội chúng tỳ khưu lại và đã hỏi đại đức Dabba Mallaputta rằng: - “Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều tỳ khưu ni này đã nói không?” - “Bạch ngài, con như thế nào thì

đức Thế Tôn biết mà.” Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này: - “Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều tỳ khuru ni này đã nói không?” - “Bạch ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.” —nt— Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Dabba Mallaputta điều này: - “Này Dabba, người có nhớ người là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều tỳ khuru ni này đã nói không?” - “Bạch ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.” - “Này Dabba, các vị (dòng dõi) Dabba không phủ nhận như thế. Nếu người có làm, hãy nói: ‘Có làm,’ nếu người không làm, hãy nói: ‘Không làm.’” - “Bạch ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức.” Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy các người hãy trục xuất tỳ khuru ni Mettiyā và hãy tra hỏi các tỳ khuru này.” Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trú xá.

16. Sau đó, các tỳ khuru ấy đã trục xuất tỳ khuru ni Mettiyā. Khi ấy, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: - “Này các đại đức, chớ có trục xuất tỳ khuru ni Mettiyā, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi.” - “Này các đại đức, có phải các vị bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên do?” - “Này các đại đức, đúng vậy.” Các tỳ khuru nào ít ham

muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên có?”

17. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —nt— “Này các tỳ khuru, nghe nói các người bôi nhọ Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên có, có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng —nt— Sau khi khiển trách, —nt— ngài đã nói Pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các tỳ khuru rồi bảo các tỳ khuru rằng:

18. - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ.¹ Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, Dabba Mallaputta ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên có. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.’ Nên thỉnh cầu đến lần

¹ Ngài Buddhaghosa giải thích cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ này nên cho đến chính vị có các lậu hoặc đã được đoạn diệt, không cho đến vị khác ngay cả vị Bất Lai (*Sđđ.* 1192).

thứ nhì. —nt— Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ‘Bạch các ngài, các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ lần thứ ba.’

19. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị

thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ đại đức Dabba Mallaputta với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, đại đức Dabba Mallaputta thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho đại đức Dabba Mallaputta là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Này các tỳ khuru, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị tỳ khuru được trong sạch không có phạm tội, các vị (khác) vu cáo vị ấy, vị ấy thỉnh cầu, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị ấy đúng Pháp, với sự hợp nhất. Này các tỳ khuru, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.”

Dứt cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.

--ooOoo--

3. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUÔNG

1. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru Gagga bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện (bởi vị ấy) khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: - “Vị đại đức có nhớ là đã là có phạm tội như thế này không?” Vị ấy nói như vậy: - “Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuông.” Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: - “Vị đại đức có nhớ là đã là có phạm tội như thế này không?”

2. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru lại khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành

động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói các tỳ khuru —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng —nt— Sau khi khiển trách, —nt— ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

3. - Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không bị điên cuồng. Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, tỳ khuru Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vậy: - “Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Tôi nói với các vị ấy như vậy:

‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy

đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không điên cuồng tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. —nt—

Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. “Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Tôi nói với các vị ấy như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thứ ba.”

4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được

thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Gagga này đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tỳ khuru Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy:

‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế

này không?’ Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không bị điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru Gagga khi không bị điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru Gagga khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

5. Nay các tỳ khuru, đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ba (sự ban cho) là đúng Pháp.

Thế nào là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? - Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy đầu có nhớ, vẫn nói như vậy: ‘Nay các đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp.

Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy dẫu có nhớ, vẫn nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp.

Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy, là vị không bị điên, (giả vờ) hành động trên cơ sở bị điên (nói rằng): ‘Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng.

6. Thế nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? - Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi không nhớ được là đã

phạm tội như thế.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Này các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy là vị bị điên, hành động trên cơ sở bị điên (nói rằng): ‘Tôi cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vị.’ Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp.

Đây là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử
Luật khi không điên cuồng.”

--ooOoo--

4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN

7. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối với các tỳ khuru không có sự thừa nhận. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao các tỳ khuru nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, và án treo đối các tỳ khuru không có sự thừa nhận?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói —nt— có đúng không vậy?”

- “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo không nên thực hiện đối với các tỳ khuru không có sự thừa nhận; vị nào thực hiện thì phạm tội *dukkaṭa* a.

8. Này các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như vậy là sai Pháp, như vậy là đúng Pháp. Và này các tỳ khuru, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp? - Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *pārājika*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không phạm tội *pārājika*, tôi đã phạm tội *saṇi ghādisesa*.’

Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *saṅghādisesa*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *pārājika*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không phạm tội *pārājika*, tôi đã phạm tội *thullaccaya*. —nt— tội *pācittiya*. —nt— tội *pāṭ idesanīya*. —nt— tội *dukkaṭa*. —nt— tội *dubbhāsita*.’ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dubbhāsita*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. —nt— tội *thullaccaya*. —nt— tội *pācittiya*. —nt— tội *pāṭ idesanīya*. —nt— tội *dukkaṭa*. —nt— tội *dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *dubbhāsita*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không phạm tội *dubbhāsita*, tôi đã phạm tội *pārājika*.’ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pārājika*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *dubbhāsita*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã không phạm tội *dubbhāsita*, tôi đã phạm tội *saṅghādisesa*. —nt— tôi đã phạm tội *thullaccaya*. —nt— tội *pācittiya*. —nt— tội *pāṭ idesanīya*. —nt— tội *dukkaṭa*.’ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội

dukkat a. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Nay các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là sai Pháp.

9. Nay các tỳ khuru, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp? - Vị tỳ khuru phạm tội *pārājika*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *pārājika*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã phạm tội *pārājika*.’ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *pārājika*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Vị tỳ khuru phạm tội *saṅghādisesa*. —nt— tội *thullaccaya*. —nt— tội *pācittiya*. —nt— tội *pāṭidesanīya*. —nt— tội *dukkat a*. —nt— tội *dubbhāsita*. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: ‘Có phải vị đại đức đã phạm tội *dubbhāsita*?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã phạm tội *dubbhāsita*.’ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội *dubbhāsita*. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp.

Này các tỳ khuru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp.”

--ooOoo--

5. THUẬN THEO SỐ ĐÔNG

10. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru sống có nảy sinh các sự xung đột giữa hội chúng, có nảy sinh các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế thuận theo số đông”.

11. Vị tỳ khuru có năm yếu tố nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ: Là vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và là vị biết (thẻ) đã được nhận hay đã không được nhận. Và này các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

12. Nay các tỳ khuru, đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp, mười (sự phân phát thẻ) đúng Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ sai Pháp? - Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhất, chưa đến mức phải xử lý,¹ không được nhớ lại hoặc (không được) làm cho nhớ lại, (vị phân phát thẻ) biết rằng: 'Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,' (nghĩ rằng): 'Có lẽ các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,' biết rằng: 'Hội chúng sẽ bị chia rẽ,' (nghĩ rằng): 'Có lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ,' các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm (của bản thân). Đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp.

Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp? - Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhất, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc (được) làm cho nhớ lại, (vị phân phát thẻ) biết rằng: 'Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,' (nghĩ rằng): 'Có lẽ các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,' biết rằng: 'Hội chúng sẽ không bị chia rẽ,' (nghĩ rằng): 'Có lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ,' các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vị có sự hợp nhất khi nhận

¹ *na gatigatam hoti*: Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sự tranh tụng ấy chưa được đưa đến hai ba trú xứ, tại nơi ấy hoặc tại chính nơi kia chưa được phán xét hai ba lần (*VinA. vi*, 1192).

lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm (của bản thân). Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp.”

--ooOoo--

6. THEO TỘI CỦA VỊ ẤY

13. Vào lúc bấy giờ, tỳ khuru Uvāḷa trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá.

Các tỳ khuru nào ít ham muốn —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru Uvāḷa trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá?”

14. Sau đó, các tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt— Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng: - “Này các tỳ khuru, chính vì điều ấy hội chúng hãy thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Uvāḷa. Và này các tỳ khuru, nên thực hiện như vậy: Trước hết, tỳ khuru Uvāḷa cần được quở trách; sau khi quở trách cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định

tội; sau khi được xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Uvā! a này trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Uvā! a. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ khuru Uvā! a này trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Uvā! a. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru Uvā! a xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến tỳ khuru Uvā! a. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Này các tỳ khuru, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Là vị không trong sạch, không có hổ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy cho vị ấy đúng theo Pháp, với sự hợp nhất. Này các tỳ khuru, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

MƯỜI HAI HÀNH SỰ SAI PHÁP

15. Này các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. —nt— Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo Pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật, và đã được giải quyết một cách kém cỏi. [Nên được giải thích chi tiết như hành sự khiển trách].

MƯỜI HAI HÀNH SỰ ĐÚNG PHÁP

16. Này các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. —nt— Được thực hiện sau khi

xác định tội, được thực hiện đúng theo Pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Nay các tỳ khuru, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp. [Nên được giải thích chi tiết như phần sáng ở hành sự khiển trách].

SÁU TRƯỜNG HỢP ‘TRONG KHI MONG MUỐN’

17. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia.

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này. (1)

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng

thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, —nt— có ba đặc tính này. (2)

Này các tỳ khuru, —nt— có ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo Pháp, vị chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị tỳ khuru có ba yếu tố này. (3)

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru: Hạng thường gây nên sự xung đột, —nt— thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn (về tội); hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru này. (4)

Này các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Nay các tỳ khuru, —nt— đối với ba hạng tỳ khuru này. (5)

Này các tỳ khuru, —nt— có ba hạng tỳ khuru khác nữa: hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo Pháp,

hạng chê bai Hội Chúng. Nay các tỳ khuru, hội chúng trong khi mong muốn có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng tỳ khuru này. (6)

Dứt sáu trường hợp ‘trong khi mong muốn’.

MƯỜI TÁM PHẬN SỰ

18. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo sa di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy tỳ khuru ni, không nên giảng dạy tỳ khuru ni dầu đã được chỉ định, —nt— (không nên) cấu kết với các tỳ khuru.”

Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với tỳ khuru Uvāḷa.

--ooOoo--

7. CÁCH DỪNG CỎ CHE LẤP

19. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ấy, điều này đã khởi đến các vị tỳ khuru ấy: “Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?”

20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Này các tỳ khuru, trong trường hợp ấy nếu các tỳ khuru (nghĩ) như vậy: ‘Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa?’” “Này các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

Và này các tỳ khuru, nên giải quyết như vậy: Toàn bộ tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực: *‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng,¹ ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.’*

21. Một vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: *‘Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có*

¹ Lỗi nghiêm trọng là tội *pārājika* và tội *sarā ghādisesa* (VinA. vi, 1194).

lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.'

Rồi một vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng:

'Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.'

22. Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khưu cùng thuộc về một phe rằng:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.'

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đôi với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

23. Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia rằng:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng —nt— ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng,

ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng —nt— ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Và này các tỳ khuru, như thế các tỳ khuru ấy đã được thoát khỏi các tội ấy ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ (các vị) có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó."

--ooOoo--

8. BỐN SỰ TRANH TỤNG

24. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru tranh cãi với các tỳ khuru ni, các tỳ khuru ni cũng tranh cãi với các tỳ khuru. Tỳ khuru Channa sau khi theo phe các tỳ khuru ni cũng tranh cãi với các tỳ khuru và được xem là thuộc phe các tỳ khuru ni. Các tỳ khuru nào ít ham muốn, —nt— các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: - “Vì sao tỳ khuru Channa sau khi theo phe các tỳ khuru ni lại tranh cãi với các tỳ khuru và được xem là thuộc phe các tỳ khuru ni?” Sau đó, các vị tỳ khuru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - “Này các tỳ khuru, nghe nói —nt— có đúng không vậy?” - “Bạch Thế Tôn, đúng vậy.” —nt—

Sau khi khiển trách, ngài đã nói Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

25. - “Này các tỳ khuru, đây là bốn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? - Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi rằng: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây là Luật,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Luật,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc

‘Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định,’ hoặc ‘Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định,’ hoặc ‘Điều ấy là phạm tội,’ hoặc ‘Điều ấy là không phạm tội,’ hoặc ‘Điều ấy là tội nhẹ,’ hoặc ‘Điều ấy là tội nặng,’ hoặc ‘Tội còn dư sót,’ hoặc ‘Tội không còn dư sót,’¹ hoặc ‘Tội xấu xa,’ hoặc ‘Tội không xấu xa.’ Ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây gổ, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tội? - Năm nhóm tội² là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội³ là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tội.

¹ Tội không còn dư sót là nhóm tội *pārājika*. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VinA. vii, 1319).

² Năm nhóm tội là: *pārājika*, *saṅghādisesa*, *nissaggiya pācittiya*, *pācittiya*, và *dukkatā*.

³ Thêm vào *thullaccaya* và *dubbhāsita* là bảy.

Ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? - Việc gì thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành cần phải thực hiện (tức là) hành sự với lời công bố,¹ hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

26. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì? - Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? - Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trở nên giận dữ có sự hằn học. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng hội chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— Hội Chúng,

¹ Hành sự công bố hành xử năm trường hợp: Sự phục hồi, sự đuổi đi, hành sự cạo tóc (*bhāṇa dukamma*), hình phạt Phạm Thiên (Phạm Dân), và hành sự có sự khác biệt về tướng trạng (*Parivāra* - Tập Yếu 2, TTPV 09, trang 306; TTVN tập 09, trang 330).

—nt— có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vì ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư Thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa: Có vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả dối trá, —nt— trở nên đồ kỵ, bốn xén, —nt— trở nên mưu mẹo xảo trá, —nt— trở nên ác độc tà kiến, —nt— trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội Chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ

khuru, vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— Hội Chúng, —nt— có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư Thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

27. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi?

- Nay các tỳ khuru, trường hợp các vị tỳ khuru tranh cãi do tâm tham lam, tranh cãi do tâm xấu xa, tranh cãi do tâm mê muội rằng: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải*

là Pháp,’ hoặc ‘Đây là Luật,’ hoặc ‘Đây không phải là Luật,’ hoặc ‘Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,’ hoặc ‘Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,’ hoặc ‘Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành,’ hoặc ‘Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành,’ hoặc ‘Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định,’ hoặc ‘Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định,’ hoặc ‘Điều ấy là phạm tội,’ hoặc ‘Điều ấy là không phạm tội,’ hoặc ‘Điều ấy là tội nhẹ,’ hoặc ‘Điều ấy là tội nặng,’ hoặc ‘Tội còn dư sót,’ hoặc ‘Tội không còn dư sót,’ hoặc ‘Tội xấu xa,’ hoặc ‘Tội không xấu xa.’ Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? - Đây các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi do tâm không tham lam, tranh cãi do tâm không xấu xa, tranh cãi do tâm không mê muội rằng: ‘Đây là Pháp,’ hoặc ‘Đây không phải là Pháp,’ —nt— hoặc ‘Tội xấu xa,’ hoặc ‘Tội không xấu xa.’ Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

28. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là gì? - Có sáu nguyên nhân khiển trách là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng

là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - Nay các tỳ khuru, trường hợp vị tỳ khuru trở nên giận dữ có sự hằn học. Vị tỳ khuru nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội Chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— Hội Chúng, —nt— có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư Thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân

khiến trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai.

29. Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa: Có vị tỳ khuru trở nên đạo đức giả dối trá, —nt— trở nên đồ kỵ bốn xén, —nt— trở nên mưu mẹo xảo trá, —nt— trở nên ác dục tà kiến, —nt— trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vị ấy sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, sống không tôn kính không phục tùng Giáo Pháp, sống không tôn kính không phục tùng Hội Chúng, có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào sống không tôn kính không phục tùng bậc Đạo Sư, —nt— Giáo Pháp, —nt— Hội Chúng, —nt— có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư Thiên và nhân loại. Nay các tỳ khuru, nếu các người nhận thức được nguyên nhân khiến trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, nay các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy. Nay các tỳ khuru, nếu các người không nhận thức được nguyên nhân khiến trách có hình thức như

thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các tỳ khuru, trong trường hợp ấy các người nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân khiến trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân khiến trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

30. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách? - Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiến trách vị tỳ khuru do tâm tham lam, khiến trách do tâm xấu xa, khiến trách do tâm mê muội với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ba nguyên nhân không tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách? - Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiến trách vị tỳ khuru do tâm không tham lam, khiến trách do tâm không xấu xa, khiến trách do tâm không mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Ba nguyên nhân tốt đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

31. Cơ thể (thân) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - Ở đây có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí, lùn tịt, nhiều bệnh: hoặc là chột mắt, hoặc là chân bị tật, hoặc bị què, hoặc bị liệt nửa thân, các vị khiển trách vị ấy về điều ấy. Cơ thể (thân) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - Ở đây có vị có giọng nói khó (nghe), có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vị khiển trách vị ấy về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách.

32. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì? - Sáu nguồn sanh tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội. Có sự phạm tội sanh lên do thân, không do khẩu không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu, không do thân không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do ý, không do khẩu. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu và do ý, không do thân. Có sự phạm tội sanh lên do thân, do khẩu, và do ý. Sáu nguồn sanh tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

33. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì? - Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là: Hội chúng.

34. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu? - Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là tốt? - Này các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu tranh cãi do tâm thiện: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ —nt— hoặc ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là xấu? - Này các tỳ khưu, trường hợp các tỳ khưu tranh cãi do tâm bất thiện: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ —nt— ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là không tốt không xấu? - Này các tỳ khưu, trường hợp các vị tỳ khưu tranh cãi với tâm vô ký: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ —nt— hoặc ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, —nt— sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc

ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được gọi là không tốt không xấu.

35. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu? - Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là tốt? - Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru do tâm thiện khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là xấu? - Này các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru do tâm bất thiện khiển trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là không tốt không xấu? - Này các tỳ khuru, trường hợp các

tỳ khuru do tâm vô ký khiến trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được gọi là không tốt không xấu.

36. Sự tranh tụng liên quan đến tội là xấu (hay) là không tốt không xấu? - Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là xấu? - Việc (vị tỳ khuru) có sự vi phạm trong khi nhận biết, trong khi nhận thức rõ, đã cố ý, rồi vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là không tốt không xấu? - Nay các tỳ khuru, việc (vị tỳ khuru) có sự vi phạm trong khi không nhận biết, trong khi không nhận thức rõ, đã không cố ý, rồi không vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tội được gọi là không tốt không xấu.

37. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, (hay) là không tốt không xấu? - Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là tốt? - Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là tốt.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là xấu? - Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm bất thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là xấu.

Ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là không tốt không xấu? - Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm vô ký; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được gọi là không tốt không xấu.

38. (Một việc có thể) là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi (hay không)? - (Một việc) có thể là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, có thể là sự tranh cãi không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự tranh cãi, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? - Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru tranh cãi rằng: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ —nt— hoặc ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy là sự tranh cãi (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi.

Ở đây, việc nào là sự tranh cãi không là sự tranh tụng? - Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chị em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự tranh cãi? - Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng không là sự tranh cãi.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? - Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi.

39. (Một việc có thể) là sự khiển trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, là sự khiển trách không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự

khiến trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiến trách (hay không)? - (Một việc) có thể là sự khiến trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiến trách, có thể là sự khiến trách không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự khiến trách, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiến trách.

Ở đây, việc nào là sự khiến trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiến trách? - Nay các tỳ khuru, trường hợp các tỳ khuru khiến trách vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiến trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy là sự khiến trách (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến khiến trách.

Ở đây, việc nào là sự khiến trách nào không là sự tranh tụng? - Mẹ khiến trách con trai, con trai khiến trách mẹ, cha khiến trách con trai, con trai khiến trách cha, anh em trai khiến trách anh em trai, anh em trai khiến trách chị em gái, chị em gái khiến trách anh em trai, bạn bè khiến trách bạn bè; việc ấy là sự khiến trách không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự khiến trách? - Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến

tranh cãi; việc ấy là sự tranh tụng không là sự khiển trách.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? - Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách.

40. (Một việc có thể) là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, là sự phạm tội không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là sự phạm tội, vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội (hay không)? - (Một việc) có thể là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội, có thể là sự phạm tội không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là sự phạm tội, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

Ở đây, việc nào là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội? - Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội, và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến tội.

Ở đây, việc nào là *āpatti* (sự phạm tội) không là sự tranh tụng? - Quả vị Nhập Lưu (*Sotāpatti*), sự thành đạt (*samāpatti*); việc ấy là *āpatti* (có tiếp vĩ ngữ *āpatti*) không là sự tranh tụng.¹

¹ Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ *āpatti* là “sự đạt đến,” nghĩa thông dụng là “sự phạm tội, hay tội vi phạm.” Trường

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là sự phạm tội? - Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; việc ấy là sự tranh tụng không là sự phạm tội.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội? - Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội.

41. (Một việc có thể) là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ (hay không)? - (Một việc) có thể là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, có thể là nhiệm vụ không là sự tranh tụng, có thể là sự tranh tụng không là nhiệm vụ, có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? - Việc nào thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực hiện (tức là) hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời

hợp hai hợp từ là *sotāpatti* (*sota-āpatti*) và *samāpatti* (*sam-āpatti*) do được ghép với tiếp vĩ ngữ *āpatti*. Từ *sotāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến dòng chảy, sự tiến vào dòng Thánh, tức là quả vị Nhập Lưu; còn từ *samāpatti* có ý nghĩa là sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Do không phải là sự phạm tội nên không liên quan đến sự tranh tụng. Đoạn văn này không thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Việt (ND).

đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ (hoặc là) sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào là nhiệm vụ không là sự tranh tụng?

- Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ không là sự tranh tụng.

Ở đây, việc nào là sự tranh tụng không là nhiệm vụ?

- Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng không là nhiệm vụ.

Ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? - Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ.

--ooOoo--

9. CÁCH GIẢI QUYẾT SỰ TRANH TỤNG

HÀNH XỬ LUẬT VỚI SỰ HIỆN DIỆN

42. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? - Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng dịu bởi hai cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện và bằng cách thuận theo số đông.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không đi đến một cách dàn xếp là thuận theo số đông, thì có thể được lắng dịu bằng một cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’ Như vậy là thế nào? - Trường hợp các tỳ khuru tranh cãi: ‘*Đây là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Pháp,*’ hoặc ‘*Đây là Luật,*’ hoặc ‘*Đây không phải là Luật,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy định,*’ hoặc ‘*Điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy định,*’ hoặc ‘*Điều ấy là phạm tội,*’ hoặc ‘*Điều ấy là không phạm tội,*’ hoặc ‘*Điều ấy là tội nhẹ,*’ hoặc ‘*Điều ấy là tội nặng,*’ hoặc ‘*Tội còn dư sót,*’ hoặc ‘*Tội không còn dư sót,*’ hoặc ‘*Tội xấu xa,*’ hoặc ‘*Tội không xấu xa.*’ Đây các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, đây các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải

quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện.

43. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gọi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy tại trú xứ ấy, này các tỳ khuru, các tỳ khuru ấy nên đi đến trú xứ có nhiều tỳ khuru hơn. Này các tỳ khuru, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

44. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*;

(nếu) vị gọi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, không thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, sau khi đi đến trú xứ kia, các tỳ khuru ấy nên nói các tỳ khuru thường trú như vậy: ‘Này các đại đức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy, lành thay xin các đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư; như thế sự tranh tụng này có thể đã được giải quyết tốt đẹp.’

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú thâm niên hơn và các tỳ khuru đi đến là kém thâm niên, này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: ‘Này các đại đức, các vị hãy sang một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý.’ Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú kém thâm niên và các tỳ khuru đi đến là thâm niên hơn, này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: ‘Này các đại đức, chính vì điều ấy xin các vị hãy chờ tại đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội ý.’

45. Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: ‘Chúng ta không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư được,’ các tỳ khuru thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vậy: ‘Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp theo Luật theo lời dạy của bậc Đạo sư,’ này các tỳ khuru, các tỳ khuru thường trú ấy nên nói với các tỳ khuru đi đến như vậy: ‘Này các đại đức, nếu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ nhận lãnh sự tranh tụng này. Này các đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ không đã được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này.’ Này các tỳ khuru, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ khuru thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy.

46. Này các tỳ khuru, các tỳ khuru đi đến ấy nên nói với các tỳ khuru thường trú như vậy: ‘Chúng tôi sẽ trình bày cho các đại đức sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào đã diễn tiến như thế nào. Nếu các đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế (sự tranh tụng) sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức. Nếu các đại đức không

thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế (sự tranh tụng) sẽ không đã được giải quyết tốt đẹp; như vậy, chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các đại đức, chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này.’

Này các tỳ khuru, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các tỳ khuru đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các tỳ khuru thường trú. Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết.

Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Này các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LỐI ĐẠI BIỂU

47. Nay các tỳ khuru, trong khi các tỳ khuru ấy phân xét sự tranh tụng ấy, nếu các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa; nay các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng như thế ấy theo lối đại biểu.

Theo lối đại biểu, cần chỉ định vị tỳ khuru có được mười yếu tố: Là vị có giới hạnh, sống thu thúc theo sự thu thúc của giới bốn *Pātimokkha*, thành tựu về hạnh kiểm và chốn đi lại, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhất, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích lũy các điều đã được nghe, các pháp nào là tốt đẹp phần đầu, tốt đẹp phần giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ; các pháp có hình thức như thế được (vị ấy) nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ giới bốn *Pātimokkha* đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ; là vị tinh xảo về Luật không có bối rối; là vị có năng lực làm cho cả hai phe đối địch với nhau hiểu biết được, làm cho suy nghĩ lại, làm cho suy tư, làm cho thấy được, và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự sanh khởi của cuộc tranh tụng; vị hiểu biết sự tranh tụng; hiểu biết nguyên có của cuộc tranh tụng; hiểu biết sự chấm dứt

của cuộc tranh tụng; hiểu biết đường lối thực hành để chấm dứt cuộc tranh tụng. Nay các tỳ khuru, ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu vị tỳ khuru có được mười yếu tố này.

Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Vị tỳ khuru tên (như vậy) và tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật. —nt—
Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*.

Này các tỳ khuru, trong khi các tỳ khuru ấy đang phân xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ khuru là Pháp sư nhưng vị ấy là không được truyền thừa về Kinh điển, về sự phân tích giới bốn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) là Pháp sư nhưng vị ấy là không được truyền thừa về Kinh điển, về sự phân tích giới bốn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ khuru tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.’

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy sau khi loại vị tỳ khuru ấy ra có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách

hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Nay các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*.

Này các tỳ khuru, trong khi các vị tỳ khuru ấy đang phán xét sự tranh tụng ấy, nếu ở đó, có vị tỳ khuru là Pháp sư bởi vì vị ấy là được truyền thừa về Kinh điển (nhưng) thiếu về sự phân tích giới bốn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) là Pháp sư bởi vì vị ấy là được truyền thừa về Kinh điển (nhưng) thiếu về sự phân tích giới bốn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, chúng ta nên loại ra vị tỳ khuru tên (như vậy) và những người còn lại (chúng ta) sẽ giải quyết sự tranh tụng này.’

Này các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy sau khi loại vị tỳ khuru ấy ra có thể giải quyết sự tranh tụng ấy; này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân

sự. —nt— Này các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*.

CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO SỐ ĐÔNG

48. Nay các tỳ khuru, nếu các tỳ khuru ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, nay các tỳ khuru, các tỳ khuru ấy nên giao lại sự tranh tụng ấy cho hội chúng: - ‘Bạch các ngài, chúng tôi không thể giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Hãy để hội chúng giải quyết sự tranh tụng này.’ Nay các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết thuận theo số đông sự tranh tụng có hình thức như thế.

Cần chỉ định vị phân phát thẻ là vị tỳ khuru có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và vị biết (thẻ) đã được nhận hay chưa được nhận. —nt— Và nay các tỳ khuru, nên chỉ định như vậy: Trước hết, vị tỳ khuru cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định tỳ khuru tên (như vậy) là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tỳ khuru tên (như vậy) đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Vị tỳ khuru phân phát thẻ ấy nên phân phát các thẻ. (Trường hợp) các tỳ khuru là các vị nói đúng Pháp có (số lượng) nhiều hơn nói (nên giải quyết) như thế nào, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Nay các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khuru theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là liên quan đến thuận theo số đông? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây điều ấy là liên quan đến thuận theo số đông.

Này các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*."

BA CÁCH PHÂN PHÁT THỂ

49. Vào lúc bấy giờ, ở Sāvattthi có sự tranh tụng đã xảy ra như vậy, đã sanh khởi như vậy. Khi ấy, các vị tỳ khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvattthi và đã nghe rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia có nhiều trưởng lão cư ngụ là các vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là các bậc sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu các trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.” Sau đó, các tỳ khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với các trưởng lão ấy điều này: - “Thưa các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy. Thưa các ngài, lành thay các trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.”

50. Khi ấy, các trưởng lão ấy (nghĩ rằng): ‘Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvattthi giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp’ rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

Sau đó, các tỳ khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvattthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão và đã nghe rằng: “Nghe nói ở trú xứ kia có ba vị trưởng

lão cư ngụ—nt—có hai vị trưởng lão cư ngụ—nt— có một vị trưởng lão cư ngụ là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hồi hận, ưa thích sự học tập. Nếu trưởng lão ấy có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.”

51. Sau đó, các tỳ khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với vị trưởng lão ấy điều này: - “Thưa ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vậy, đã diễn tiến như vậy. Thưa ngài, lành thay ngài trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như thế sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp.”

Khi ấy, vị trưởng lão ấy (nghĩ rằng): ‘Sự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvātthi giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được nhiều vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được ba vị trưởng lão giải quyết như thế ấy, sự tranh tụng đã được hai vị trưởng lão giải quyết như thế ấy là đã được giải quyết tốt đẹp,’ rồi đã giải quyết sự tranh tụng ấy như thế.

52. Sau đó, các tỳ khưu ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvātthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của ba vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh

tụng của hai vị trưởng lão, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của một vị trưởng lão nên đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

- “Này các tỳ khuru, sự tranh tụng này đã được dứt điểm, đã được yên lặng, và đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Này các tỳ khuru, vì sự nhận thức rõ ràng của các tỳ khuru ấy, ta cho phép ba cách phân phát thẻ: lối kín đáo, sự nói nhỏ vào tai, lối công khai.”

Và này các tỳ khuru, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo? - Vị tỳ khuru phân phát thẻ nên làm các thẻ khác nhau rồi đi đến gặp từng vị tỳ khuru một và nên nói như vậy: ‘Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy.’ Khi giao nên nói rằng: ‘Và chớ cho bất cứ ai thấy.’ Nếu vị ấy biết rằng: ‘Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,’ nên thu hồi lại (nói rằng): ‘(Các thẻ) bị lấy lầm lẫn.’ Nếu vị ấy biết rằng: ‘Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,’ nên công bố rằng: ‘(Các thẻ) được nhận lấy tốt đẹp.’ Này các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối kín đáo.

Và này các tỳ khuru, thế nào là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai? - Vị tỳ khuru phân phát thẻ nên nói vào tai của từng vị tỳ khuru một rằng: ‘Thẻ này là cho vị nói như vậy, thẻ này là cho vị nói như kia. Đại đức thích cái nào thì nhận cái ấy.’ Khi giao nên nói rằng: ‘Và chớ nói cho bất cứ ai.’ Nếu vị ấy biết rằng: ‘Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn,’ nên thu hồi lại (nói rằng): ‘(Các thẻ)

bị lấy lầm lẫn.’ Nếu vị ấy biết rằng: ‘Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,’ nên công bố rằng: ‘(Các thẻ) được nhận lấy tốt đẹp.’ Đây các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ với sự nói nhỏ vào tai.

Và đây các tỳ khuru, thế nào là cách phân phát thẻ theo lối công khai? - Nếu vị ấy biết rằng: ‘Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn,’ chính nhờ vào sự quả quyết nên phân phát (thẻ) bằng cách phân phát thẻ theo lối công khai. Đây các tỳ khuru, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối công khai.

Này các tỳ khuru, đây là ba cách phân phát thẻ.”

HÀNH XỬ LUẬT BẰNG SỰ GHI NHỚ

53. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? - Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không diện cường, và theo tội của vị ấy.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật khi không diện cường và theo tội của vị ấy thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện

diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’

Như vậy là thế nào? - Trường hợp các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Nay các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho.

Và nay các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: ‘Bạch các ngài, các tỳ khuru bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.’ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ

khuru tên (như vậy), là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các tỳ khuru bôi nhọ vị tỳ khuru tên (như vậy) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho vị tỳ khuru tên (như vậy) là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Và ở đây, sự hiện

diện của nhân sự là gì? - Vị khiến trách và vị bị vị ấy khiến trách, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật bằng sự ghi nhớ; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nay các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gọi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG

54. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’

Như vậy là thế nào? - Trường hợp vị tỳ khuru bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru buộc tội vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Này các tỳ khuru, nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị tỳ khuru ấy khi không bị điên cuồng.

Và này các tỳ khuru, nên ban cho như vậy: Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng

thượng, rồi ngồi chồm hóm, chấp tay lại, và nên nói như vậy:

“Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Tôi nói với các vị ấy như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng.’ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?’ Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru tên (như vậy) đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các tỳ khuru đã khiển trách vị ấy với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: ‘Vị đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế

này không?’ Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, —nt— Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru tên (như vậy) khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. —nt— Vị ấy nói như vậy: ‘Này các đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. —nt— Giờ không bị điên cuồng, vị ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru tên (như vậy) khi không điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến tỳ khuru tên (như vậy) khi không bị điên cuồng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho tỳ khuru tên (như vậy) khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.”

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Và ở đây, điều gì là

ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự hành xử Luật khi không điên cuồng; ở đây điều ấy là ở trong cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nay các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gợi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

THEO TỘI CỦA VỊ ẤY

55. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và cách hành xử Luật khi không điên cuồng thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’

Như vậy là thế nào? - Trường hợp vị tỳ khưu buộc tội vị tỳ khưu (khác) giữa hội chúng với tội nặng: ‘Đại đức có nhớ là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika* không?’

Vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội nặng như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*.’

Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: ‘Này đại đức hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika* không?’

Vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*, tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhỏ nhoi như thế ấy.’

Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: ‘Này đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ

lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika* không?’

Vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, cho dầu là nhỏ nhoi tôi sẽ thú nhận dầu không được hỏi đến. Sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*, không lẽ tôi lại không thú nhận khi được hỏi đến hay sao?’

Vị kia nói như vậy: ‘Này đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, mặc dù là nhỏ nhoi đại đức sẽ không thú nhận khi không được hỏi đến. Thì sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*, không lẽ đại đức lại thú nhận khi không được hỏi đến? Này đại đức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika* không?’

Vị ấy nói như vậy: ‘Này đại đức, tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*. Điều nói rằng: Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội *pārājika* hoặc gần với tội *pārājika*, điều này được tôi nói vội, điều này được tôi nói theo thói quen.’

56. Này các tỳ khưu, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban cho tỳ khưu ấy. Và này các tỳ khưu, nên thực hiện như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực:

‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy). Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến tỳ khuru tên (như vậy) xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. —nt—

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. —nt—

Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến tỳ khuru tên (như vậy). Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.’

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện

diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Và ở đây, điều gì là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự theo tội của vị ấy; ở đây điều ấy là ở trong (cách giải quyết) theo tội của vị ấy. Nay các tỳ khuru, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

VIỆC PHÁN XỬ THEO TỘI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHẬN

57. Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? - Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi ba cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, và bằng cách dùng cỏ che lấp.

Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’

Như vậy là thế nào? - Trường hợp này, vị tỳ khuru là phạm tội nhẹ. Nay các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp một vị tỳ khuru (khác), đắp thương y một bên vai, rồi

ngồi chồm hồm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: - ‘Thưa đại đức, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.’ Vị kia nên nói rằng: - ‘Đại đức có nhận thấy (tội) không?’ - ‘Thưa có, tôi nhận thấy.’ - ‘Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.’

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các tỳ khuru, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*.

58. Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến gặp nhiều vị tỳ khuru, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hồm, chấp tay lại,

và nên nói như vậy: - ‘Thưa các ngài, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.’

Các vị tỳ khuru ấy cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực: - ‘*Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi nên ghi nhận tội của vị tỳ khuru tên (như vậy).*’

Vị ấy nên nói rằng: - ‘Đại đức có nhận thấy (tội) không?’ - ‘Thưa có, tôi nhận thấy.’ - ‘Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.’

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự phán xử theo tội đã được thừa nhận; ở đây điều ấy là ở trong việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Này các tỳ khuru, khi đã được giải quyết như thế, nếu vị ghi nhận (tội) khơi lại sự tranh tụng, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*.

59. Nếu vị ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không chấp nhận như thế, này các tỳ khuru, vị tỳ khuru ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đánh lễ hai bàn chân các tỳ khuru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chấp tay lại, và nên nói như vậy: - ‘Bạch các ngài, tôi đã phạm tội tên (như vậy), tôi xin trình tội ấy.’

Hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị tỳ khuru này tên (như vậy) nhớ được, bộc lộ ra, nói ra bằng lời, trình ra sự phạm tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi nên ghi nhận tội của vị tỳ khuru tên (như vậy).’

Vị ấy nên nói rằng: - ‘Đại đức có nhận thấy (tội) không?’ -Thưa có, tôi nhận thấy.’ - ‘Đại đức hãy thu thúc trong tương lai.’

Này các tỳ khuru, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. —nt— Này các tỳ khuru, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

CÁCH DỪNG CỎ CHE LẤP

60. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dân xếp là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dân xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp hay không? - Nên trả lời rằng: ‘Có thể.’

Như vậy là thế nào? - Trường hợp các tỳ khuru trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Trong trường hợp ấy nếu các tỳ khuru (nghĩ) như vậy: ‘Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, có nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa.’ Nay các tỳ khuru, ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp.

Và nay các tỳ khuru, nên giải quyết như vậy: Tất cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực: ‘Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng

ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.'

Một vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: *'Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư đại đức và tội của tôi vì sự lợi ích của chính chư đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.'*

Rồi một vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: *'Bạch chư đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, —nt— tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng —nt— ngoại trừ trường*

hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.'

Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khưu cùng thuộc về một phe rằng:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn —nt— đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lung củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ (hội chúng) nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi vì sự lợi ích của chính các đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, —nt— tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị tỳ khuru kinh nghiệm, có năng lực trong số các tỳ khuru cùng thuộc về phe kia rằng:

'Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, —nt— tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng —nt— ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, —nt— tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi

ng nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.'

61. Nay các tỳ khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? - Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp.

Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? - Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? - Các tỳ khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gọi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? - Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo Sư sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? - Vị khai báo (tội) và vị chứng minh vị ấy khai báo (tội), cả hai đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự.

Và ở đây, điều gì là ở trong việc dùng cỏ che lấp? - Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự dùng cỏ che lấp; ở đây điều ấy là ở trong việc

dùng cỏ che lấp. Nay các tỳ khưu, nếu có vị khôi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khôi lại phạm tội *pācittiya*; (nếu) vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội *pācittiya*.

Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? - Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ được lắng dịu bởi một cách dàn xếp: bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện.”

Dứt Chương Dàn Xếp là thứ tư.

--ooOoo--

